

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG**

CẨM NANG

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT CHO CHĂN NUÔI BÒ SỮA AN TOÀN TẠI VIỆT NAM (VIETGAHP)



Năm 2013

LỜI MỞ ĐẦU

Chăn nuôi bò sữa là ngành sản xuất nông nghiệp phát triển khá ổn định ở TPHCM, nhờ đầu ra của sản phẩm sữa được bao tiêu bởi các doanh nghiệp như Công ty sữa Việt Nam, Công ty Friesland Campina, Công ty Vixumilk,... với sự quan tâm của các cấp lãnh đạo trong việc ban hành các chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển nên mặc dù những năm gần đây sản xuất chăn nuôi nói chung gặp nhiều khó khăn (do giá vật tư, thức ăn chăn nuôi tăng, dịch bệnh gia súc diễn biến phức tạp) song bò sữa vẫn được bà con nông dân chấp nhận góp phần vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của các địa phương.

Theo số liệu của Sở Nông nghiệp và PTNT TPHCM, tính đến thời điểm tháng 11/2012 tổng đàn bò sữa đạt 90.971 con/ 8.202 hộ, trong đó số bò tại các hộ là 90.338 con, trại quốc doanh là 633 con, tập trung chủ yếu tại các huyện Củ Chi (53.675 con), Hóc Môn (25.313 con), Bình Chánh (2.356 con), quận 12 – Gò Vấp (7.140 con). Sản lượng sữa hàng hóa hơn 188.000 tấn, năng suất sữa bình quân đạt 5.511 kg/con/năm (tương đương 15,1 kg/con/ngày), quy mô chăn nuôi bình quân là 10,69 con/hộ, cơ cấu đàn bò sinh sản là 62,33% tổng đàn trong đó cái vắt sữa chiếm 47,03%.

Với xu hướng nhu cầu của người tiêu dùng là cần những sản phẩm sạch, đảm bảo vệ sinh, an toàn, trong đó, sữa bò sạch và an toàn đảm bảo không có dư lượng thuốc kháng sinh; không mang các mầm bệnh truyền nhiễm như vi khuẩn, virus, ký sinh trùng,... vì vậy, bà con chăn nuôi phải thực hiện quy trình chăn nuôi phù hợp, quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP) trong quá trình sản xuất của mình.

Nhằm hỗ trợ kiến thức cho người chăn nuôi, Trung tâm Khuyến nông TPHCM giới thiệu với bạn đọc “Cẩm nang Hướng dẫn thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi bò sữa an toàn tại Việt Nam (VietGAHP)”. Nội dung cuốn sách trình bày về những vấn đề mấu chốt trong chăn nuôi bò sữa trên cơ sở quy trình thực hành chăn nuôi bò sữa an toàn do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành để cung cấp cho các cơ sở chăn nuôi, người nông dân vừa giúp người chăn nuôi chủ động chăn nuôi có hiệu quả, vừa đảm bảo vệ sinh môi trường vừa tạo ra sản phẩm an toàn đáp ứng cho nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Chúng tôi hy vọng quyển cẩm nang này sẽ giúp ích cho những bạn đọc muốn gắn bó với nghề chăn nuôi bò sữa có được những kiến thức cơ bản để đi đến thành công trong chăn nuôi.

Trong quá trình biên soạn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của Quý bạn đọc để chất lượng cẩm nang ngày càng tốt hơn.

Chúc các bạn thành công.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG TPHCM

MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT (VIETGAHP)

1. Quyết định số 1579/QĐ-BNN-KHCN ngày 26 tháng 05 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về ban hành Quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi bò sữa an toàn tại Việt Nam (VietGAHP).
2. Quyết định số 121/2008/QĐ-BNN ngày 17 tháng 12 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về ban hành Quy chế chứng nhận cơ sở thực hiện quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP) cho bò sữa, lợn, gia cầm và ong.
3. Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020.
4. Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược quốc gia An toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030.
5. Quyết định số 3178/QĐ-UBND ngày 22 tháng 06 năm 2011 của Ủy ban nhân dân TPHCM về Phê duyệt quy hoạch phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn TPHCM đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.
6. Quyết định số 4320/QĐ-UBND ngày 12 tháng 09 năm 2011 của Ủy ban nhân dân TPHCM về Phê duyệt Chương trình phát triển chăn nuôi bò sữa trên địa bàn TPHCM giai đoạn 2011 - 2015.
7. Quyết định số 5997/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân TPHCM về Phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển giống cây, giống con chất lượng cao giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn TPHCM.

MỤC LỤC

Lời mở đầu

Một số văn bản quy phạm pháp luật về quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP)

Mục lục

Danh mục các biểu

Phần I. Giới thiệu về VietGAHP

1.1 Khái niệm về VietGAHP trong chăn nuôi

1.2 Những lợi ích khi thực hiện chăn nuôi bò sữa theo VietGAHP

1.3 Đối tượng, phạm vi áp dụng VietGAHP trong chăn nuôi

1.4 Các thủ tục để đăng ký chứng nhận VietGAHP

1.5 Kiểm tra việc thực hiện Quy trình thực hành chăn nuôi tốt

1.6 Thay đổi, bổ sung, gia hạn chứng nhận VietGAHP

1.7 Sử dụng logo và đóng phí chứng nhận VietGAHP

1.8 Các hình thức xử lý vi phạm đối với cơ sở sản xuất

1.9 Trách nhiệm và quyền hạn của cơ sở sản xuất

Phần II. Quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi bò sữa an toàn tại Việt Nam

2.1 Nội dung Quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi bò sữa an toàn tại Việt Nam

2.2 Địa điểm chăn nuôi bò sữa

2.2.1 Đối với những hộ xây mới chuồng trại

2.2.1.1 Lựa chọn địa điểm

2.2.1.2 Bố trí khu chăn nuôi

2.2.1.3 Bố trí khu hành chính

2.2.1.4 Bố trí khu nhà xưởng và công trình phục vụ chăn nuôi

2.2.2 Đối với những hộ đã có sẵn khu chuồng nuôi

2.3 Thiết kế chuồng trại, kho và thiết bị chăn nuôi

2.3.1 Thiết kế chuồng trại

2.3.2 Thiết kế kho

2.3.3 Thiết bị chăn nuôi

2.4 Giống và quản lý con giống

2.5 Vệ sinh chăn nuôi

2.5.1 Các biện pháp vệ sinh chăn nuôi

2.5.2 Vệ sinh sát trùng bên ngoài chuồng trại

2.5.3 Vệ sinh sát trùng bên trong chuồng trại

2.5.4 Vệ sinh sát trùng các dụng cụ chăn nuôi và phương tiện vận chuyển

2.6 Quản lý thức ăn, nước uống và hệ thống cấp thoát nước

2.6.1 Quản lý thức ăn

2.6.2 Quản lý nước uống

2.6.3 Hệ thống cấp thoát nước

- 2.7 Quản lý đàn bò sữa
 - 2.7.1 Nhập bò
 - 2.7.2 Xuất bán bò
 - 2.7.3 Vận chuyển bò
 - 2.8 Quản lý vệ sinh vắt sữa
 - 2.8.1 Vắt sữa
 - 2.8.2 Vận chuyển sữa
 - 2.9 Quản lý dịch bệnh
 - 2.10 Bảo quản và sử dụng thuốc thú y
 - 2.11 Phòng và trị bệnh trong chăn nuôi bò sữa
 - 2.11.1 Phòng bệnh
 - 2.11.2 Trị bệnh
 - 2.12 Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường
 - 2.13 Kiểm soát côn trùng, loài gặm nhấm và động vật khác
 - 2.14 Quản lý nhân sự
 - 2.14.1 An toàn lao động
 - 2.14.2 Điều kiện làm việc
 - 2.14.3 Phúc lợi xã hội của người lao động
 - 2.14.4 Đào tạo và tập huấn
 - 2.15 Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm
 - 2.16 Kiểm tra nội bộ
 - 2.17 Khiếu nại và giải quyết khiếu nại
- Phụ lục
- Tài liệu tham khảo

DANH MỤC CÁC BIỂU

Biểu số 1. Lý lịch giống

- Biểu số 2. Theo dõi mua bò giống
- Biểu số 3. Theo dõi vệ sinh sát trùng
- Biểu số 4. Theo dõi nhập nguyên liệu, thức ăn
- Biểu số 5. Theo dõi ghi chép trộn thức ăn
- Biểu số 6. Theo dõi sử dụng thức ăn
- Biểu số 7. Theo dõi đàn bò cách ly mới nhập
- Biểu số 8. Theo dõi sản lượng sữa trong ngày
- Biểu số 9. Theo dõi sản lượng sữa hàng tháng
- Biểu số 10. Theo dõi xuất bán sữa
- Biểu số 11. Theo dõi sử dụng thuốc điều trị
- Biểu số 12. Theo dõi xử lý bò chết
- Biểu số 13. Theo dõi quản lý dịch bệnh
- Biểu số 14. Theo dõi mua thuốc thú y và vaccin
- Biểu số 15. Theo dõi sử dụng thuốc thú y
- Biểu số 16. Theo dõi sử dụng vaccin
- Biểu số 17. Ghi chép tình hình tiêm phòng và điều trị bệnh
- Biểu số 18. Theo dõi diệt chuột
- Biểu số 19. Quản lý cán bộ, công nhân
- Biểu số 20. Đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công nhân

PHẦN I

GIỚI THIỆU VỀ VIETGAHP

1.1 Khái niệm về VietGAHP trong chăn nuôi

Là những nguyên tắc, trình tự, thủ tục hướng dẫn tổ chức, cá nhân về thiết kế chuồng trại, kho và thiết bị chăn nuôi; về quản lý con giống, thức ăn, vệ sinh môi trường, dịch bệnh, công tác thú y nhằm:

- Đảm bảo sữa bò đạt yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm (không tồn dư kháng sinh, vi trùng gây bệnh...).

- Đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng, bảo vệ môi trường.

- Truy nguyên nguồn gốc sản phẩm.

1.2 Những lợi ích khi thực hiện chăn nuôi bò sữa theo VietGAHP

- Kiểm soát được yếu tố đầu vào (giống, thức ăn, nước uống, chuồng trại, thuốc thú y, vệ sinh phòng bệnh...).

- Ngăn ngừa, hạn chế rủi ro nguy cơ gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến chất lượng sữa bò, môi trường, sức khỏe, an toàn lao động, phúc lợi xã hội cho người lao động.

- Đảm bảo sản xuất sữa bò đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng.

- Đảm bảo tính minh bạch, truy nguyên được nguồn gốc sản phẩm.

- Xây dựng thương hiệu của nhà sản xuất; khẳng định chất lượng đối với người tiêu dùng.

1.3 Đối tượng, phạm vi áp dụng VietGAHP trong chăn nuôi

VietGAHP ra đời với mục đích cung cấp cho các cơ sở chăn nuôi, người nông dân một quy trình chuẩn để sản xuất ra các sản phẩm đáp ứng yêu cầu về sản phẩm an toàn.

Quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi bò sữa an toàn tại Việt Nam (VietGAHP) được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam, bao gồm doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ nông dân sản xuất, kinh doanh theo mô hình kinh tế trang trại tham gia sản xuất, kinh doanh, kiểm tra và chứng nhận chăn nuôi bò sữa an toàn theo VietGAHP.

1.4 Các thủ tục để đăng ký chứng nhận VietGAHP

Chứng nhận VietGAHP cho bò sữa (gọi là chứng nhận VietGAHP) là việc đánh giá và xác nhận việc thực hiện quy trình thực hành chăn nuôi của cơ sở sản xuất phù hợp với Quy trình VietGAHP cho bò sữa.

Để đăng ký chứng nhận thực hiện VietGAHP cho bò sữa cần những thủ tục sau đây:

(1) Tổ chức, cá nhân chăn nuôi gửi hồ sơ đăng ký chứng nhận VietGAHP về Tổ chức chứng nhận. Hồ sơ gồm:

- Giấy đăng ký chứng nhận VietGAHP (theo mẫu 1). Trong trường hợp cơ sở sản xuất đăng ký kiểm tra chứng nhận VietGAHP là tổ chức có nhiều thành viên thì cần gửi kèm theo Danh sách thành viên (họ tên, địa chỉ, địa điểm và quy mô chăn nuôi).

- Bản thuyết minh về thiết kế, bố trí mặt bằng khu vực chăn nuôi, quy mô sản xuất, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường.

- Kiểm tra theo nội dung và phương pháp đánh giá được quy định trong Quy chế; lấy mẫu và chỉ định chỉ tiêu kiểm tra về an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định;

- Lập biên bản kiểm tra việc thực hiện Quy trình thực hành chăn nuôi tốt (theo mẫu 2).

- Thông báo kết quả kiểm tra cho cơ sở sản xuất. Trường hợp đại diện cơ sở sản xuất từ chối ký vào biên bản kiểm tra, biên bản vẫn có giá trị pháp lý khi có đầy đủ chữ ký của các thành viên trong đoàn kiểm tra.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Mẫu số 2

BIÊN BẢN KIỂM TRA

QUY TRÌNH THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 121/2008/QĐ-BNN ngày 17 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Theo Quyết định số ngày tháng năm của Tổ chức Chứng nhận

1. Thời điểm kiểm tra: bắt đầu lúc ... giờ, ngày tháng..... năm

2. Tên tổ chức, cá nhân được kiểm tra:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Fax:

3. Phạm vi đăng ký chứng nhận VietGAHP:

Địa điểm sản xuất:..... Diện tích:

Sản phẩm:..... Sản lượng dự kiến:.....

4. Hình thức kiểm tra:

5. Thành phần Đoàn kiểm tra:

Trưởng đoàn:

Thành viên:

6. Đại diện tổ chức, cá nhân được kiểm tra:.....

7. Nội dung kiểm tra: kiểm tra việc thực hiện Quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP) cho

theo Quyết định số ngày tháng năm của Tổ chức Chứng nhận

8. Kết quả kiểm tra: (chi tiết tại Bảng kiểm tra đánh giá theo mẫu tại Phụ lục 3)

9. Kết luận của Đoàn kiểm tra:

10. Ý kiến của tổ chức, cá nhân được kiểm tra:

11. Vấn đề khác:

Biên bản đã được đọc lại cho Đoàn kiểm tra, đại diện tổ chức, cá nhân cùng nghe và thống nhất ký tên vào biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản, có nội dung như nhau, 01 bản Đoàn kiểm tra giữ, 01 bản lưu tại cơ sở được kiểm tra.

Biên bản kiểm tra kết thúc vào lúc ngày tháng năm

Đại diện tổ chức, cá nhân

Đại diện Đoàn kiểm tra

(2) Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc sau khi kết thúc kiểm tra, Tổ chức chứng nhận cấp Giấy chứng nhận VietGAHP cho cơ sở sản xuất đủ điều kiện.

Nếu cơ sở sản xuất chưa đủ điều kiện để chứng nhận VietGAHP thì Tổ chức chứng nhận thông báo sai phạm cho cơ sở sản xuất để khắc phục trong một thời hạn nhất định. Sau khi khắc phục sai phạm, cơ sở sản xuất gửi báo cáo kết quả khắc phục sai phạm (theo mẫu 3) về Tổ chức chứng nhận để kiểm tra lại.

(3) Giấy chứng nhận VietGAHP (theo mẫu 4) có hiệu lực không quá 02 năm kể từ

TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN Số: GCN/.....	<i>Mẫu số 4</i>
CHỨNG NHẬN	
<ul style="list-style-type: none">- Tổ chức/ cá nhân:- Địa chỉ:- Địa điểm sản xuất:- Mã số chứng nhận VietGAHP:- Tên sản phẩm:- Quy mô sản xuất:- Sản lượng dự kiến:- Sản xuất theo Quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP) cho ban hành kèm theo Quyết định số: 121/2008/QĐ-BNN ngày 17 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.- Giấy chứng nhận có giá trị đến ngày:	
<p>....., ngày tháng năm</p> <p>ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN (Ký tên, đóng dấu)</p>	

ngày cấp.

1.6 Thay đổi, bổ sung, gia hạn chứng nhận VietGAHP

- Trước khi Giấy chứng nhận VietGAHP hết hiệu lực 01 tháng, cơ sở sản xuất có yêu cầu gia hạn Giấy chứng nhận phải đăng ký gia hạn với Tổ chức chứng nhận.

- Khi có yêu cầu thay đổi, bổ sung Giấy chứng nhận VietGAHP, cơ sở sản xuất phải đăng ký với Tổ chức chứng nhận các nội dung đề nghị thay đổi, bổ sung kèm theo các tài liệu liên quan.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký gia hạn, thay đổi, bổ sung Giấy chứng nhận VietGAHP của cơ sở sản xuất, Tổ chức chứng nhận có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và thông báo cho cơ sở sản xuất hoặc trong trường hợp không chấp nhận đề nghị thay đổi, bổ sung và gia hạn phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

1.7 Sử dụng logo và đóng phí chứng nhận VietGAHP

- Cơ sở sản xuất được cấp Giấy chứng nhận VietGAHP được Tổ chức chứng nhận ủy quyền bằng văn bản về việc sử dụng logo VietGAHP hoặc logo của Tổ chức chứng nhận theo quy định.

- Tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận VietGAHP trả chi phí cho việc chứng nhận theo thỏa thuận với Tổ chức chứng nhận. Chi phí cho quá trình thẩm định đánh giá chứng nhận, thử nghiệm phải được thông báo công khai, minh bạch và bảo đảm không phân biệt đối xử.

1.8 Các hình thức xử lý vi phạm đối với cơ sở sản xuất

- Hình thức xử lý vi phạm đối với cơ sở sản xuất được cấp Giấy chứng nhận VietGAHP gồm:

- + Nhắc nhở
- + Đình chỉ
- + Thu hồi Giấy chứng nhận VietGAHP
- + Công bố trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Tổ chức chứng nhận thông báo bằng văn bản đến cơ sở sản xuất khi phát hiện cơ sở sản xuất có bất kỳ sai phạm nào không tuân thủ VietGAHP.

- Cơ sở sản xuất bị Tổ chức chứng nhận ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận VietGAHP trong những trường hợp sau:

- a) Không có hành động khắc phục sai phạm đúng thời hạn sau khi bị đình chỉ chứng nhận VietGAHP;
- b) Từ chối kiểm tra giám sát của Tổ chức chứng nhận;
- c) Xin hoãn kiểm tra giám sát của Tổ chức chứng nhận 02 lần liên tiếp không có lý do chính đáng;
- d) Sử dụng logo VietGAHP không đúng với nội dung văn bản ủy quyền sử dụng logo VietGAHP.

1.9 Trách nhiệm và quyền hạn của cơ sở sản xuất

*** Trách nhiệm**

a) Thực hiện đúng thủ tục đăng ký kiểm tra chứng nhận VietGAHP và chấp hành việc kiểm tra theo Quy chế;

b) Thực hiện VietGAHP theo đúng phạm vi được chứng nhận.

c) Có hành động khắc phục sai phạm đúng thời hạn khi bị nhắc nhở hoặc đình chỉ chứng nhận VietGAHP;

d) Sử dụng logo VietGAHP theo đúng nội dung trong văn bản ủy quyền sử dụng logo VietGAHP;

đ) Trả chi phí cho Tổ chức chứng nhận thực hiện chứng nhận VietGAHP;

e) Chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các sản phẩm được công bố sản xuất theo VietGAHP.

g) Khi phát hiện lô sản phẩm không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm: phải tạm dừng phân phối, tiêu thụ lô sản phẩm; thu hồi sản phẩm nếu đã đưa ra lưu thông trên thị trường; điều tra nguyên nhân gây mất an toàn thực phẩm và tiến hành biện pháp khắc phục.

Trường hợp không khắc phục được nguy cơ gây mất an toàn, phải chủ động thông báo cho Cục Chăn nuôi, Sở Nông nghiệp và PTNT và Tổ chức chứng nhận để có biện pháp xử lý.

*** Quyền hạn**

- a) Được bảo lưu ý kiến nếu không đồng ý với kết luận của đoàn kiểm tra;
- b) Khiếu nại về kết quả kiểm tra, chứng nhận VietGAHP theo quy định của pháp luật;
- c) Được sử dụng logo, mã số chứng nhận VietGAHP để quảng bá thương hiệu sản phẩm.

PHẦN II

QUY TRÌNH THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT CHO CHĂN NUÔI BÒ SỮA AN TOÀN TẠI VIỆT NAM

2.1 Nội dung Quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi bò sữa an toàn tại Việt Nam (VietGAHP)

- (1) Địa điểm chăn nuôi
- (2) Thiết kế chuồng trại, kho và thiết bị chăn nuôi
- (3) Con giống và quản lý giống
- (4) Vệ sinh chăn nuôi
- (5) Quản lý thức ăn, nước uống và nước vệ sinh
- (6) Quản lý đàn bò sữa
- (7) Quản lý vệ sinh vắt sữa
- (8) Quản lý dịch bệnh
- (9) Bảo quản và sử dụng thuốc thú y
- (10) Phòng trị bệnh
- (11) Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường
- (12) Kiểm soát côn trùng, loài gặm nhấm và động vật khác
- (13) Quản lý nhân sự
- (14) Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc, thu hồi sản phẩm
- (15) Kiểm tra nội bộ
- (16) Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

2.2 Địa điểm chăn nuôi bò sữa

2.2.1 Đối với những hộ xây mới chuồng trại

2.2.1.1 Lựa chọn địa điểm

- Vị trí xây dựng chuồng nuôi, khu vực chăn nuôi phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương và điều kiện thực tế của từng hộ.

- Cách xa đường giao thông, khu dân cư, công nghiệp, công sở, trường học, khu chế biến sản phẩm chăn nuôi, bệnh viện, khu chăn nuôi khác, xa hệ thống kênh mương thoát nước thải của khu vực tối thiểu 100m.

- Ở cuối và cách xa nơi ở và nguồn nước sinh hoạt của con người, có đủ nước sạch cung cấp cho chăn nuôi.

- Khu xử lý phân và nước thải, rác thải cần cách xa chuồng nuôi và nguồn nước sinh hoạt.



Địa điểm chăn nuôi cách biệt nơi ở, cao ráo thoáng mát

2.2.1.2 Bố trí khu chăn nuôi

- Khu nuôi bò khai thác sữa, khu vắt sữa, bò cạn sữa, bò đực, bò và bê theo mẹ ở đầu hướng gió; Khu nuôi cách ly, khu xử lý bò bệnh, chết và khu xử lý chất thải ở cuối hướng gió.

- Bố trí hố sát trùng ở cổng ra vào và đầu mỗi dãy chuồng. Người và phương tiện vận chuyển trước khi vào trại đều phải đi qua các hố sát trùng.

- Khu vực xuất bán sữa và bò ở vành đai của trại, có lối đi riêng để xe chuyên chở sữa và bò không gây ô nhiễm.

- Đường vận chuyển thức ăn trong trại không trùng với đường vận chuyển phân.

- Trong trại cần trồng cây xanh để tăng cường khả năng chống nóng, góp phần cải thiện tiểu khí hậu chuồng nuôi.

- Khu nuôi cách ly bò bệnh, khu nuôi bò mới mua về phải bố trí cách biệt, có hàng rào ngăn cách với khu chăn nuôi.

- Rãnh thoát nước thải, bể lắng, hố ủ phân và khu vực xử lý nước thải ở cuối trại, cuối hướng gió chính, phía ngoài hàng rào, cách xa khu chăn nuôi.

- Có tường hoặc hàng rào ngăn cách với nhà ở và nơi nuôi heo, gà, vịt, chó, mèo,.....



Thay trang phục và qua hồ sát trùng trước khi vào khu vực chăn nuôi



Có hồ sát trùng ở đầu dãy chuồng



Khu xử lý chất thải cách xa khu chăn nuôi

2.2.1.3 Bố trí khu hành chính: bố trí văn phòng, nhà làm việc, khu vệ sinh và nhà ở cho cán bộ nhân viên, công nhân (nếu có) và phải xây dựng bên ngoài hàng rào khu chăn nuôi.



Văn phòng làm việc, khu nhà ở cho công nhân cách biệt chuồng nuôi

2.2.1.4 Bố trí khu nhà xưởng và công trình phục vụ chăn nuôi: Kho chứa thức ăn, thuốc thú y, thuốc sát trùng, dụng cụ chăn nuôi, xưởng cơ khí sửa chữa được bố trí riêng biệt với khu chuồng trại chăn nuôi và khu hành chính.

2.2.2 Đối với những hộ đã có sẵn khu chuồng trại

- Có hố sát trùng ở cổng ra vào và đầu mỗi dãy chuồng. Người và phương tiện vận chuyển trước khi vào trại đều phải đi qua các hố sát trùng.

- Cần làm tường hoặc hàng rào ngăn cách với nhà ở và nơi nuôi heo, gà, vịt, chó, mèo,.....

- Phải có cửa ra vào khu chăn nuôi và có khóa cửa.

- Bố trí một nơi để thức ăn, thuốc thú y cách biệt khu chuồng nuôi.
- Cần có nơi thay bảo hộ và ủng chuyên dùng trước khi vào chuồng.
- Bố trí khu vực nuôi con giống mới mua về ngoài khu chuồng chính.
- Nền chuồng không trơn trượt, dễ thoát nước, dễ làm vệ sinh
- Mái chuồng cao thoáng, không bị ảnh hưởng nắng, mưa.
- Phải có nơi rửa dụng cụ chăn nuôi ở cuối chuồng.
- Phải có hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi (biogas) để tránh ô nhiễm môi trường. Trường hợp không có biogas thì phải xây hố thu gom phân khô và xây hầm chứa nước thải rửa chuồng có nắp đậy.



Chuồng nuôi phải có hàng rào ngăn cách

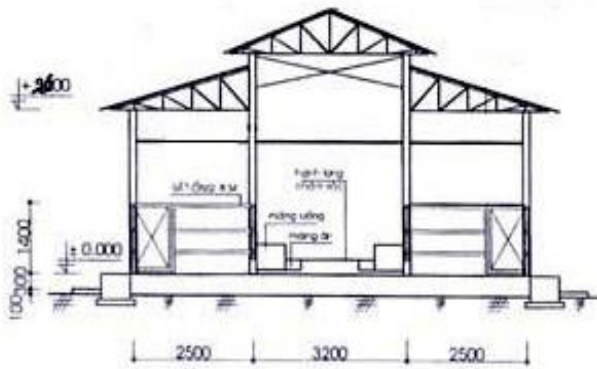
2.3 Thiết kế chuồng trại, kho và thiết bị chăn nuôi

2.3.1 Thiết kế chuồng trại: chuồng trại chăn nuôi phải được thiết kế phù hợp với điều kiện của từng hộ chăn nuôi và phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật như sau:

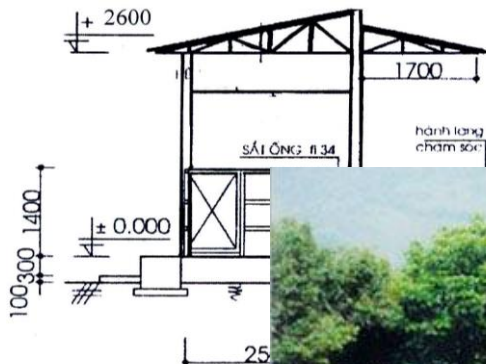
- Hướng chuồng: Tốt nhất là Đông Nam hoặc Đông Bắc vì nhận được nhiều nắng buổi sớm và tránh được ánh nắng gay gắt buổi chiều.
- Kiểu chuồng: 1 dãy hoặc 2 dãy tùy số lượng bò
- Nền chuồng: cao 40 - 50cm so với mặt đất, không trơn trượt, dễ làm vệ sinh, độ dốc 2 – 3% về phía rãnh thoát nước.
- Mái chuồng: 1 mái hoặc 2 mái; bằng ngói, tole, fibro-xi măng, lá, cao ≥ 3 m.
- Phía sau chuồng có rãnh dẫn nước thải ra khu xử lý nước thải, có hố chứa nước thải và phân ở xa chuồng tối thiểu 20m.
- Diện tích chuồng nuôi cho mỗi bò sữa: 4 – 6 m²
- Cần có sân vận động cho bò nhất là bò cái vắt sữa.



Kiểu chuồng 2 dãy



Chuồng mái đôi



Chuồng mái lệch

Nên bố trí sân vận động cho bò

2.3.2 Thiết kế kho

- Kho chứa thức ăn và nguyên liệu phải khô ráo, thông thoáng, có hệ thống thông gió tốt, không bị dột, tạt nước mưa, tránh sự xâm nhập của chim, chuột phá hoại. Phải có kệ thức ăn và nguyên liệu, cách mặt đất tối thiểu 20cm để tránh hút ẩm khi tiếp đất. Các loại hóa chất như dầu máy, thuốc diệt chuột, sát trùng... không được để lẫn trong kho chứa thức ăn.

- Kho chứa thuốc thú y, thuốc sát trùng phải thông thoáng, có hệ thống thông gió tốt, không bị dột, tạt nước mưa. Nên có tủ lạnh để bảo quản vaccin và một số loại kháng sinh có yêu cầu bảo quản lạnh. Phải ghi chép theo dõi xuất nhập thuốc, tránh tình trạng có lô thuốc quá hạn sử dụng.

- Kho chứa vật dụng khác như: xẻng, xô,... chưa sử dụng cần bảo quản trong kho sạch sẽ.



Xếp thức ăn trên kệ và theo từng loại riêng biệt



Bố trí kho chứa thuốc thú y phù hợp

2.3.3 Thiết bị chăn nuôi

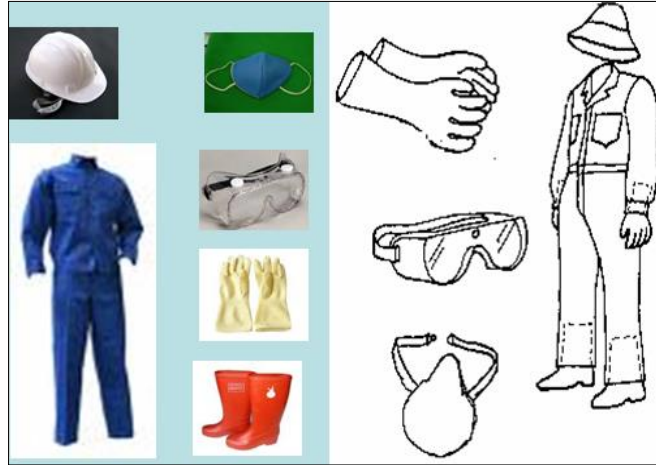
- Máng ăn, uống được làm bằng xi măng, inox; silo chứa thức ăn bằng nhựa, inox; dụng cụ hút phân bằng sắt, nhựa,.... ; thùng hoặc hầm chứa phân bằng nhựa, xi măng có nắp đậy và không bị rò rỉ. Dụng cụ được khử trùng và cất giữ đúng nơi quy định.

- Trang bị bảo hộ lao động (quần áo, khẩu trang, ủng,....) riêng cho công nhân trại và khách tham quan, nơi vệ sinh, sát trùng, thay quần áo cho người ra vào khu vực chăn nuôi. Nên hạn chế khách tham quan và những người không phận sự ra vào khu vực chăn nuôi.

- Thiết bị chiếu sáng, lồng sưởi âm bê và các dụng cụ, thiết bị điện khác nên có che chắn bảo vệ chống vỡ, chống cháy nổ và an toàn cho người lao động. Quạt làm thông thoáng đặt ở hướng gió thổi từ nơi sạch đến nơi bẩn, sàn lót cho bê và bò mang thai bằng nhựa hay xi măng, bề mặt không quá trơn, gồ ghề.



Hầm chứa phân có nắp đậy



Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trong trại



Trang bị bảo hộ lao động cho khách tham quan trại



Biển cấm đặt ở công trại

2.4 Giống và quản lý con giống

- Mua bò giống phải biết rõ nguồn gốc và có giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan thú y có thẩm quyền cấp. Nên mua giống tại những nơi gần để biết rõ về chất lượng giống và lý lịch giống. Không mua giống từ nơi vừa xảy ra dịch bệnh. Đối với giống tự sản xuất phải ghi chép rõ nguồn gốc.

- Con giống phải đảm bảo tiêu chuẩn giống, khỏe mạnh, được tiêm phòng đầy đủ các loại vaccin theo quy định của ngành thú y. Phải đeo thẻ tai để phục vụ truy xuất nguồn gốc.

- Phải chuẩn bị chuồng nuôi, vệ sinh, khử trùng sạch sẽ trước khi mua giống về. Bò mới nhập về phải nuôi cách ly ít nhất 2 tuần để theo dõi.

- Trường hợp bò bệnh phải đưa sang chỗ nuôi cách ly, điều trị và giữ tại đó cho đến khi khỏi mới nhập đàn. Phân và nước tiểu từ chuồng cách ly phải được thu gom và xử lý riêng, không được cho vào hệ thống xử lý chất thải chung. Cần ghi chép đầy đủ các biểu hiện bệnh lý trong quá trình nuôi cách ly.

Biểu 1: Lý lịch giống

- Thông tin của con giống:

Số hiệu:.....
Phẩm giống:.....
Giới tính:.....
Ngày tháng năm sinh:.....
Nơi sinh:.....

- Huyết thống:

+ Bố	+ Ông nội
Số hiệu:..... Phẩm giống:..... Xếp cấp:.....	Phẩm giống:..... Xếp cấp:.....
	+ Bà nội
	Phẩm giống:..... Năng suất sữa:.....

+ Mẹ Số hiệu:..... Phẩm giống:..... Năng suất sữa:..... Xếp cấp:.....	+ Ông ngoại Phẩm giống:..... Xếp cấp:..... + Bà ngoại Phẩm giống:..... Năng suất sữa:.....
---	---

Biểu 2: Theo dõi mua bò giống

Ngày mua	Cơ sở bán	Loại giống	Số lượng (con)	Thời gian điều trị bệnh trước khi bán	Thuốc điều trị	Đã tiêm phòng vaccin	Ngày tiêm



Lựa chọn bò giống phù hợp với quy cách giống

2.5 Vệ sinh chăn nuôi

2.5.1 Các biện pháp vệ sinh chăn nuôi

- Hệ thống thoát nước, chuồng trại, mật độ nuôi, hệ thống thông gió phải đảm bảo yêu cầu nhằm hạn chế vi sinh vật có hại tồn tại và phát triển.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống cống thoát nước thải, hầm chứa phân, hệ thống cung cấp nước uống.

- Quét rác, dọn phân, làm vệ sinh hệ thống thông gió, quạt máy; vệ sinh, sát trùng chuồng bò khi trống chuồng.

2.5.2 Vệ sinh sát trùng bên ngoài chuồng trại

- Phải có hố sát trùng hoặc khay sát trùng ở cửa ra vào mỗi chuồng. Tất cả người và phương tiện đi lại khi vào khu vực chăn nuôi đều phải qua hố sát trùng. Thường xuyên thay thuốc sát trùng của hố khử trùng ở cổng ra vào ít nhất 1 ngày/lần. Việc thay mới bao gồm loại bỏ thuốc sát trùng cũ, làm sạch hố sát trùng rồi mới cho chất sát trùng mới vào. Có thể sử dụng 2 nhóm thuốc sát trùng như sau: Nhóm thuốc phun trực tiếp vào vật nuôi, vào kho thức ăn và dụng cụ chăn nuôi như: Virkon S, Iodine, TH4 có phổ diệt khuẩn rộng, độ an toàn cao. Nhóm thuốc phun gián tiếp, sát trùng lối đi nơi xử lý xác heo chết, nơi chứa phân, rác như: Longlife, Farm Fluids, Formol.

- Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh các dãy chuồng và khu chăn nuôi ít nhất 2 tuần/lần.

- Phát quang bụi rậm xung quanh chuồng, không để nước đọng lâu ngày trong khu vực trại; định kỳ vệ sinh hệ thống cống rãnh 1 tháng/lần bằng thuốc sát trùng để hạn chế ruồi, muỗi, côn trùng và ký chủ trung gian gây truyền bệnh khác.

- Nhân viên và khách tham quan phải thực hiện các biện pháp khử trùng tiêu độc bằng xà phòng hoặc thuốc sát trùng.



Người và phương tiện phải qua hố sát trùng trước khi vào trại

2.5.3 Vệ sinh sát trùng bên trong chuồng trại

- Thay nước sát trùng hoặc vôi sát trùng của hố sát trùng mỗi ngày vào mỗi buổi sáng trước khi thực hiện các công việc khác.

- Phun thuốc sát trùng ở các lối đi và khu vực xung quanh chuồng 1 tuần/lần (nếu không có dịch bệnh) và mỗi ngày (nếu có dịch bệnh).

- Thu gom chất thải rắn hàng ngày vào hệ thống chứa, có nắp hay mái che bảo đảm không rò rỉ, không lưu giữ chất thải trên 24 giờ mà không có biện pháp xử lý.



Thay nước sát trùng hàng ngày



Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh chuồng nuôi



Phát quang cỏ dại quanh khu chăn nuôi



Thường xuyên khơi thông cống rãnh

2.5.4 Vệ sinh sát trùng các dụng cụ chăn nuôi và phương tiện vận chuyển

- Trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển trong chăn nuôi phải được tiêu độc khử trùng thường xuyên.
- Hạn chế di chuyển đến mức tối đa những trang thiết bị phục vụ chăn nuôi trong trại. Trường hợp bắt buộc, phải khử trùng tiêu độc trước khi di chuyển.
- Sát trùng nơi chứa chất thải bằng dung dịch có tính sát trùng mạnh hoặc rắc vôi bột.
- Làm vệ sinh thùng chứa thức ăn, định kỳ 2 tuần/lần, máng ăn 1 ngày/lần để tránh thức ăn thừa, nấm mốc.
- Phương tiện vận chuyển của khu chuồng nào chỉ nên dành riêng cho khu đó. Trường hợp phải dùng chung thì phải phun thuốc sát trùng kỹ lưỡng trước và sau khi sử dụng.

Biểu 3: Theo dõi vệ sinh sát trùng

Ngày vệ sinh	Tên dụng cụ, trang thiết bị	Tên chuồng nuôi, khu vực	Tên thuốc sát trùng	Lô	Liều sử dụng	Ngày để trống chuồng	Người thực hiện

2.6 Quản lý thức ăn, nước uống và hệ thống cấp thoát nước

2.6.1 Quản lý thức ăn

- Thức ăn phải đảm bảo chất lượng, không ôi thiu, ẩm mốc, mối mọt. Phải thường xuyên giám sát các nguy cơ sinh học, hóa học, vật lý có thể ảnh hưởng đến chất lượng nguyên liệu, thức ăn.

- Thức ăn công nghiệp phải có nhãn mác rõ ràng, còn hạn sử dụng. Trước khi sử dụng phải kiểm tra chất lượng thức ăn bằng cảm quan về màu sắc, mùi vị và nấm mốc. Chú ý đảm bảo nguyên tắc “vào trước ra trước, vào sau ra sau”.

- Nguyên liệu dự trữ phải đạt yêu cầu về độ ẩm và để trong kho có đủ các tiêu chuẩn về diện tích, độ thông thoáng, nhiệt độ và định kỳ xông hơi kho để ngăn ngừa sự phá hoại của sâu mọt, nấm mốc.

- Nếu tự trộn thức ăn, cơ sở phải có hệ thống trộn thức ăn theo quy trình đảm bảo kỹ thuật, phải có công thức trộn thức ăn rõ ràng, vệ sinh sạch sẽ hệ thống trộn thức ăn để tránh tạp nhiễm từ mẻ trộn này sang mẻ khác. Ghi vào sổ nhật ký sản xuất và lưu trữ hồ sơ tất cả các khâu phân trộn, trình tự trộn và nhân viên phụ trách trộn.

- Trong trường hợp phải trộn thuốc vào thức ăn phải làm theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất thuốc. Cần phải ghi chép và lưu giữ hồ sơ việc sử dụng thức ăn, loại thuốc trộn, liều lượng, thời gian sử dụng thức ăn có trộn thuốc, thời gian ngừng cho ăn thức ăn có trộn thuốc. Không được sử dụng kháng sinh, hóa chất trong danh mục cấm của Bộ Nông nghiệp và PTNT, phải tuân thủ thời gian ngưng thuốc theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

- Thức ăn phải được bảo quản nơi khô ráo. Cần có các giá kê thức ăn và nguyên liệu, không đặt trực tiếp bao thức ăn xuống nền nhà. Nguyên liệu và thức ăn phải được lưu mẫu sau mỗi đợt nhập về hay sau mỗi lần phối trộn để dễ dàng truy suất nguồn gốc.

Biểu 4: Theo dõi nhập nguyên liệu, thức ăn

Ngày nhập	Tên người nhập	Tên hàng	Số lượng (kg)	Đơn giá (đ/kg)	Cơ sở sản xuất	Ngày sản xuất	Hạn dùng

Biểu 5: Theo dõi ghi chép trộn thức ăn

Ngày trộn	Số lượng bò	Số lượng thức ăn trộn	Trộn kháng sinh hoặc chất bổ sung	Tỷ lệ trộn	Người trộn

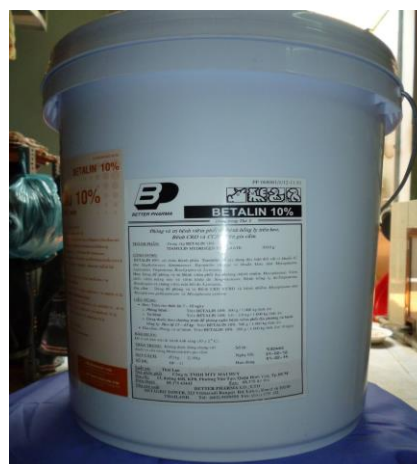
Biểu 6: Theo dõi sử dụng thức ăn

Ngày sử dụng	Loại thức ăn	Số hiệu bò	Số lượng (kg)	Người phụ trách cho ăn

*** Một số loại kháng sinh, hóa dược cấm sử dụng (Quyết định số 54/2002/QĐ-BNN ngày 20 tháng 6 năm 2002 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

SỐ TT	Tên kháng sinh, hóa chất	SỐ TT	Tên kháng sinh, hóa chất
1	Carbuterol	10	Methyl-testosterone
2	Cimaterol	11	Metronidazole
3	Clenbuterol	12	19 Nor-testosterone
4	Chloramphenicol	13	Ractopamine
5	Diethylstilbestrol (DES)	14	Salbutamol
6	Dimetridazole	15	Terbutaline
7	Fenoterol	16	Stilbenes
8	Furazolidon và các dẫn xuất nhóm Nitrofuran	17	Trebolone
9	isoxuprin	18	Zeranol

*** Các loại kháng sinh phổ rộng được khuyến cáo sử dụng



FLOXDOX-S150

COMPOSITION: Each kg contains
 Florfenicol..... 100,000mg
 Doxycycline trihydrate..... 50,000mg
 Bromhexin..... 50,000mg
 Excipient q.s..... 1kg

INDICATIONS:
 For the prevention and treatment of disease as follow.
 Poultry: Respiratory, coryza disease caused by colibacillosis, Mycoplasma and other disease sensitive to Doxycycline and Florfenicol.
 Swine, Calf: Enteritis (diarrhea), caused by Salmonellosis, colibacillosis, epidemic pneumonia and Actinobacillus pleuropneumoniae (App), Haemophilus parasuis, caused by pasteurella multocida, Bordetella bronchiseptica, mycoplasma.....

DOSAGE AND ADMINISTRATION:
 Administer the following dosage as drinking water or in feed during 3 – 5 days.
 Poultry: Administer 1gr/3 liters drinking water or 1kg/2,000kg feed.
 Swine, Calf: Administer 1gr/3 liters drinking water or 1kg/2,000kg feed.
 Prevention: 2 dose, For 2 – 3 day/week.

PRECAUTIONS:
 Withdrawal period poultry 10 days, Swine 10 days, Calf 14 days.
 1. Follow recommended withdrawal period.
 2. Do not administer layer and milking cow.
 3. Follow recommended dosage and administration.
 4. Used only to designated animals.
 5. Consult veterinarian before use.

FOR VETERINARY USE ONLY

Manufactured by: Maxtrum Company
 Address: 139 Pekov, 4550 Peshtera, Bulgaria
 Lot. No. :
 Mfg. date :
 Exp. date :
 Net weight : 1kg

AMOXCOL

A BROAD SPECTRUM BACTERICIDAL ANTIBIOTICS COMBINATION

COMPOSITION: Each kg contains
 Amoxicillin trihydrate..... 200 g
 Colistin Sulphate..... 500,000,000 UI
 Excipient q.s..... 1kg


INDICATIONS:
 For treatment of following disease due to bacteria susceptible to Amoxicillin and Colistin
 Poultry: Colibacillosis, Salmonellosis, Streptococcosis, Staphylococcosis, Infectious coryza, Chronic Respiratory Disease (CRD).
 Swine: Atrophic Rhinitis (AR), Pleuropneumonia, Swine Enzootic Pneumonia (SEP), Pasteurella, Salmonellosis, Colibacillosis.
 Cattle: Bacterial pneumonia, Salmonellosis, Colibacillosis.

DOSAGE AND USE:
 Administer as following ratio for 3–5 consecutive days dissolving or mixing with a day's.
 Prevention: 100 g of product/200 liters of drinking water or 1kg of product/2000kg of feed.
 Treatment: 100 g of product/100 liters of drinking water or 1kg of product/1000kg of feed.

PRECAUTIONS:
 1. Withdrawal period Cattle: 20 days, Swine: 15 days, Poultry 5 days.
 2. Do not use in animals sensitive to Amoxicillin, Colistin or those dysfunctional kidneys.
 3. Do not use in dairy cows lactating.
 4. Do not use together with antibiotic groups such as Tetracycline, Sulfonamides, Chloramphenicol.

FOR VETERINARY USE ONLY

Manufactured by: Maxtrum Company
 Address: 139 Pekov, 4550 Peshtera, Bulgaria
 Lot. No. :
 Mfg. date :
 Exp. date :
 Net weight : 1kg



LINSPEX-125

PREVENTION AND TREATMENT OF INFECTIOUS DISEASES OF THE RESPIRATORY AND DIGESTIVE TRACTS, MASTITIS, ARTHRITIS

COMPOSITION: Each kg contains
 Spectinomycin sulfate.....50,000mg
 Lincosylin HCL.....50,000mg
 Bromhexin.....25,000mg
 Excipient q.s.....1kg

INDICATIONS:
 Poultry: For the prevention and treatment CRD, CCRD, Colibacillosis, Staphylococis.
 Pig: Mycoplasma hyopneumoniae, Pneumonic Pasteurellosis, Pleuropneumonia, atrophic rhinitis, Bacterial diarrhea, Dysentery, Colibacillosis, Salmonellosis, Vibronic enteritis, Arthritis, Erysipelas.

DOSAGE AND ADMINISTRATION:

Animal	Dosage	Administration and period
Poultry	Drinking water	For the prevention: Administer 1kg per 2,000l of drinking water - Baby chick; administer for 3-5 days - 4 weeks of old or when vaccination; administer for 1-2 days
		For the treatment: Administer 1kg per 1,000l of drinking water for 3 days
Pig	Drinking water	Administer 1kg per 2,000l of drinking water or 1kg/2,000kg feed for 5 days


PRECAUTION:
 Withdrawal period: Poultry 2 days before slaughter. Pig 8 days before slaughter.

- Do not use to layer.
- Keep out from the children.
- Do not use to animal that had over reaction of shock to this product

FOR VETERINARY USE ONLY

Manufactured by: Maxtrum Company
Address: 139 Pekov, 4550 Peshtera, Bulgaria

Lot. No. :
 Mfg. date :
 Exp. date :
 Net weight : 1kg



FLOX-MIX50

THERAPEUTICS FOR SWINE PLEUROPNEUMONIA

COMPOSITION: Each kg contains
 Florfenicol.....50,000mg
 Bromhexin.....50,000mg
 Excipient q.s.....1kg

PROPERTIES:
 Florfenicol is a synthetic antibiotics which has antibacterial activity against pathogens of swine pleuropneumonia and various swine respiratory disease. It also shows strong antibacterial activity against bacteria resistant to and low susceptible for other antibiotics.
 With rapid intestinal absorption, it shows high blood and tissue concentration within 1-2 hours from administration and rapid therapeutic efficacy.
 It has short withdrawal periods as only three days and broad safety, therefore it can be used for all aged swine.

INDICATION:
 Treatment of bacterial infections of Haemophilus-and/or Actinobacillus-caused pneumonia; E coli-and/or salmonella caused diarrhea; swine dysentery (yellow diarrhea flecked with blood). It is intended for use in animals and poultry.

DOSAGE AND USE: Administer for 3-5 days.
 Prevention: Thoroughly mix the product at the rate of 1kg per 2,500kg of swine's feed.
 Treatment: 1kg/1,250kg feed.

PRECAUTIONS:
 Discontinue use 3 days before slaughter.
 Do not use continuously over 1 week.
 Keep out of reach of children.
 For poultry meat-6 day, For pork and beef-21 day

FOR VETERINARY USE ONLY

Manufactured by: Maxtrum Company
Address: 139 Pekov, 4550 Peshtera, Bulgaria

Lot. No. :
 Mfg. date :
 Exp. date :
 Net weight : 1kg

2.6.2 Quản lý nước uống

- Nguồn nước và nước uống (kể cả nước dùng để pha thuốc cho bò sữa uống khi bị bệnh) phải đạt được các tiêu chuẩn đã được quy định trong tiêu chuẩn Việt Nam.

- Kiểm tra thường xuyên hệ thống cấp nước gồm bồn chứa nước, ống dẫn, máng uống, núm uống để đảm bảo hệ thống không bị hở, rò rỉ, ô nhiễm do bụi bặm, chất bẩn... Bồn chứa nước nên có mái che để tránh nước bị nóng do nhiệt từ mặt trời.

- Nên lấy mẫu nước kiểm tra 2 lần/năm để đảm bảo nước không bị nhiễm khuẩn, nhiễm tạp chất khác.

Bảng: Tiêu chuẩn nước uống

STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Giới hạn tối đa
1	pH nước	-	6,0 – 8,5
2	Độ cứng	mg/l	350
3	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	50
4	Nitrit (NO ₂ ⁻)	mg/l	3
5	Clorua (Cl)	mg/l	300
6	Asen (As)	mg/l	0,05
7	Sắt (Fe)	mg/l	0,5
8	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	10
9	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD)	mg/l	6
10	Tổng số chất rắn (TS)	mg/l	3.000
11	Đồng (Cu)	mg/l	2
12	Xyanua (CN)	mg/l	0,07

13	Florua (F)	mg/l	1,5
14	Chì (Pb)	mg/l	0,1
15	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
16	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,1
17	Kẽm (Zn)	mg/l	5
18	Vi khuẩn hiếu khí	CFU/ml	10.000
19	Coliforms tổng số	MPN/100ml	30
20	Coliforms phân	MPN/100ml	0

(Nguồn: QCVN 01 – 39:2001/BNN)

2.6.3 Hệ thống cấp, thoát nước

- Nên có hệ thống cấp nước làm mát mái chuồng khi thời tiết quá nóng, nước rửa chuồng và rửa dụng cụ chăn nuôi có thể sử dụng nước máy, nước giếng khoan, nước giếng khơi; không được sử dụng nước ao bị nhiễm khuẩn (ô nhiễm) hoặc nước thải.

- Cần có hệ thống thoát nước thải, nước rửa chuồng riêng, không cho chảy qua các khu vực chăn nuôi và không thải trực tiếp nước thải ra môi trường. Tốt nhất nên sử dụng hệ thống biogas để xử lý nước thải chăn nuôi.

- Cần có 2 hệ thống thoát nước riêng biệt như: nước tắm, nước rửa chuồng hàng ngày cho chảy vào hệ thống biogas; nước rửa chuồng sau khi khử trùng chuồng trại, dụng cụ phải chảy vào hầm chứa nước thải phụ.

2.7 Quản lý đàn bò sữa

2.7.1 Nhập bò

- Trước khi nhập phải vệ sinh chuồng trại, quét dung dịch vôi và phun thuốc sát trùng để tiêu diệt mầm bệnh

- Căn cứ vào lý lịch và giấy chứng nhận kiểm dịch, hồ sơ sức khỏe, lịch sử dụng thuốc, vaccin,... để lên kế hoạch tiêm phòng một số bệnh như: tụ huyết trùng, lở mồm long móng, sẩy thai truyền nhiễm, ký sinh trùng đường máu,....

- Bò, bê mới mua về phải đưa vào nơi nuôi cách ly để bò quen với hệ thống chuồng trại, khẩu phần thức ăn. Ghi chép lại những biểu hiện khác thường của bò sữa trong thời gian nuôi thích nghi.

- Bê từ 3 tháng tuổi báo với cơ quan thú y để được bấm tai và cấp sổ theo dõi.

- Bò tơ từ 12 tháng tuổi báo với Trung tâm Quản lý Kiểm định giống cây trồng – vật nuôi để được kiểm định, lập lý lịch cá thể giống.

Biểu 7: Theo dõi đàn bò cách ly mới nhập

Ngày nhập	Nơi nhập	Số con	Ngày chích vaccin	Loại vaccin	Lô	Ngày lấy máu kiểm tra	Triệu chứng bệnh	Thuốc điều trị, liều lượng	Ngày điều trị	Thời gian điều trị	Kết quả



Nuôi cách ly bê

2.7.2 Xuất bán bò

- Bê đực và bê cái sinh đôi cùng bê đực có thể xuất bán thịt sau khi sinh 1 tuần.

- Trường hợp bán bê, bò giống cần chuẩn bị hồ sơ lý lịch kèm theo (sổ ghi chép nguồn gốc giống, sổ theo dõi sức khỏe và tiêm phòng vaccin theo quy định,...).

2.7.3 Vận chuyển bò

- Vận chuyển phải đảm bảo đúng cách, đúng quy trình để tránh gây stress cho bò, không gây ảnh hưởng đến sức khỏe, chất lượng sữa và ảnh hưởng đến môi trường. Tốt nhất nên chích thuốc an thần COMBISTRESS trước khi vận chuyển bò.

- Phương tiện vận chuyển phải an toàn về mặt kỹ thuật, tốt nhất nên sử dụng xe chuyên dụng.

- Mùa nắng nóng nên vận chuyển bò vào sáng sớm hoặc chiều mát.

- vận chuyển bò ra ngoài huyện, tỉnh phải có giấy kiểm dịch.

2.8 Quản lý vệ sinh vắt sữa

2.8.1 Vắt sữa

- Cần có khu vực vắt sữa riêng, đủ diện tích, ánh sáng, nguồn nước sạch,....

- Người vắt sữa phải có sức khỏe tốt, không mắc bệnh truyền nhiễm, sử dụng đầy đủ bảo hộ lao động và vệ sinh sạch sẽ trước khi vắt sữa. Dụng cụ vắt sữa (xô đựng sữa, khăn lau bầu vú, cốc nhúng núm vú) phải được vệ sinh sạch sẽ trước - sau khi sử dụng và phơi khô dưới ánh nắng mặt trời.

- Ghi chép số lượng bò khai thác sữa, sản lượng sữa, tình trạng sức khỏe của từng con. Tách riêng bò bệnh đang điều trị, bò cạn sữa ra khỏi đàn bò khỏe đang vắt sữa. Bò không đủ tiêu chuẩn thu gom sữa để vắt sữa sau cùng và sử dụng sữa cho bê uống.

- Khuyến khích sử dụng hệ thống máy vắt sữa chuyên dụng và thực hiện quy trình vắt sữa vệ sinh. Sau mỗi lần vắt sữa cần nhúng núm vú bò vào dung dịch DERMASEPT FILM để phòng bệnh viêm vú.

- Quản lý vắt sữa: ghi chép theo dõi toàn bộ quá trình vắt sữa (sản lượng sữa, chu kỳ vắt sữa, thời gian vắt, chất lượng sữa của từng cá thể bò; vắt sữa bò khỏe trước, bò bệnh sau). Đối với sữa đầu, sữa bò bệnh đang điều trị kháng sinh phải được thu gom vào các xô thùng chứa riêng, có thể dùng cho bê uống, nhưng không sử dụng cho người. Trường hợp để nâng cao sản lượng sữa, có thể bổ sung khoáng hữu cơ BEST CHROM vào khẩu phần thức ăn của bò sữa.

Biểu 8: Theo dõi sản lượng sữa trong ngày

Ngày tháng năm	Số hiệu bò	Ngày khai thác sữa	Sản lượng sữa (kg/ngày)			Kiểm tra CMT	Người vắt sữa
			Sáng	Chiều	Tổng		

Biểu 9: Theo dõi sản lượng sữa hàng tháng

Lứa đẻ	Ngày tháng năm đẻ	Sản lượng sữa theo tháng (kg)										Mỡ sữa	Cạn sữa	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			



Rửa tay sạch sẽ trước khi vắt sữa bò



Nhúng núm vú bò vào dung dịch DERMASEPT FILM



Vệ sinh dụng cụ và phơi khô dưới ánh nắng mặt trời



Sử dụng máy vắt sữa và thiết bị rửa máy vắt sữa chuyên dùng



2.8.2 Vận chuyển sữa

- Dụng cụ dùng để vận chuyển sữa: dùng thùng hợp kim nhôm trơn nhẵn, không có nếp gấp, có nắp đậy kín. Sau mỗi lần sử dụng phải rửa sạch và khử trùng.
- Đối với các trại quy mô nhỏ: sữa được đựng trong thùng vận chuyển và đưa đến điểm thu mua càng sớm càng tốt.
- Đối với các trại quy mô lớn: sữa sau khi vắt được đựng trong các bồn lạnh trước khi đưa đến nhà máy chế biến hoặc nơi thu gom.

Biểu 10: Theo dõi xuất bán sữa

Ngày xuất bán	Lượng sữa	Điểm thu gom	Đơn giá (đ/lít)	Tổng tiền (đ)



Vận chuyển sữa đến điểm thu mua

2.9 Quản lý dịch bệnh

- Khi điều trị bệnh, cần ghi chép thông tin đầy đủ về dịch bệnh, tên thuốc, liều lượng, lý do dùng, thời gian dùng, người điều trị, thời điểm ngưng thuốc. Không bán bò trong thời gian cách ly thuốc.
- Khi phát hiện bò chết phải báo ngay cho cán bộ thú y hoặc chính quyền để có biện pháp xử lý. Đưa xác bò bệnh ra khỏi đàn càng nhanh càng tốt nhằm tránh lây nhiễm sang bò khỏe mạnh. Khử trùng khu vực có bò bệnh chết. Nơi xử lý bò chết phải cách xa tối thiểu 20m đối với giếng nước, nguồn nước mặt và chuồng nuôi. Tất cả bò chết do bệnh hoặc không rõ lý do đều không được bán ra ngoài thị trường.
- Phải rửa và khử trùng chân tay, giày dép sau khi tiếp xúc với bò bệnh hoặc chết.

- Khách tham quan đến từ vùng có dịch không được phép vào trong khu chuồng nuôi. Đối với khách thông thường khi vào khu chuồng nuôi phải thực hiện các biện pháp vệ sinh khử trùng, mặc đồ bảo hộ,....

Biểu 11: Theo dõi sử dụng thuốc điều trị

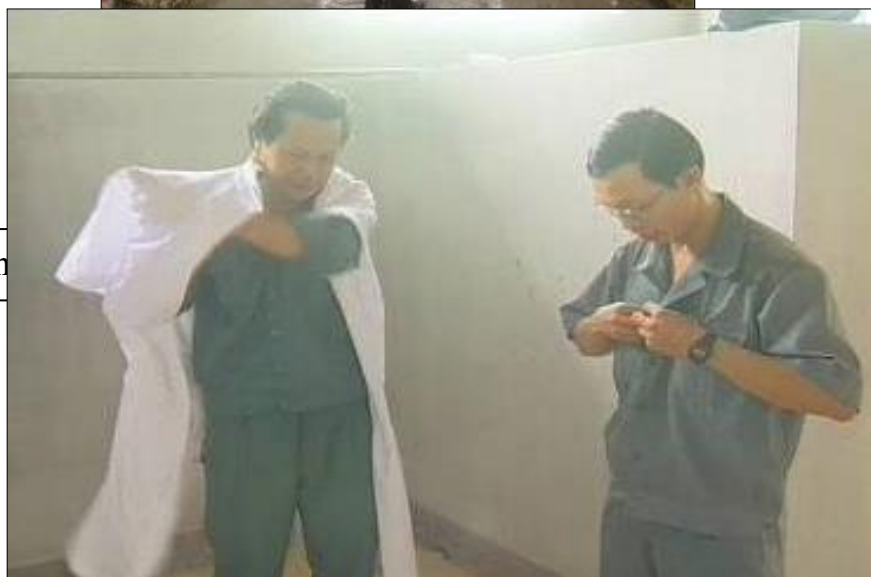
Ngày bắt đầu điều trị	Số tai	Tên thuốc	Lô	Lý do dùng	Liều lượng, cách dùng	Người điều trị	Trọng lượng bò (kg)	Ngày kết thúc điều trị	Thời gian ngưng thuốc	Kết quả điều trị

Biểu 12: Theo dõi xử lý bò chết

Ngày bò chết	Số tai	Triệu chứng bệnh	Bệnh tích	Biện pháp xử lý

Biểu 13: Theo dõi quản lý dịch bệnh

Ngày tháng năm	Đối tượng	Loại dịch bệnh	Mức độ	Kế hoạch phòng và trị bệnh	Người phụ trách dịch bệnh



Hạn

đi

Trang bị bảo hộ lao động cho khách tham thông thường

2.10 Bảo quản và sử dụng thuốc thú y

- Việc sử dụng thuốc và vaccin phải tuân theo hướng dẫn của cơ quan thú y, cán bộ thú y và nhà sản xuất.

- Vaccin và một số kháng sinh phải được bảo quản lạnh theo hướng dẫn, chỉ lấy ra khi sử dụng.

- Mỗi loại thuốc để riêng một khu vực và không để lẫn vào nhau, đặc biệt là đối với các loại thuốc có tính đối kháng nhau (tetracyclin, sulfonamides, chloramphenicol).

- Ghi chép việc xuất nhập kho từng loại thuốc, chủng loại thuốc, thời hạn sử dụng để sử dụng đúng hạn, tránh lãng phí.

- Cần phải có kế hoạch cụ thể về việc sử dụng vaccin và thuốc thú y cho trại và phải lập bảng kế hoạch sử dụng thuốc.

Biểu 14: Theo dõi mua thuốc thú y và vaccin

Ngày mua	Tên thuốc	Số lượng	Đơn giá (đ)	Tên người, cửa hàng, đại lý và địa chỉ bán hàng	Tên hãng sản xuất

Biểu 15: Theo dõi sử dụng thuốc thú y

Ngày sử dụng	Loại thuốc sử dụng	Số lượng	Loại bệnh điều trị	Đối tượng bò điều trị	Người điều trị

Biểu 16: Theo dõi sử dụng vaccin

Số tai	Tên vaccin	Lô	Liều lượng	Ngày bắt đầu sử dụng	Ngày kết thúc sử dụng	Thời gian ngưng sử dụng trước giết mổ



Bảo quản thuốc và vaccin đúng quy cách

2.11 Phòng và trị bệnh trong chăn nuôi bò sữa

2.11.1 Phòng bệnh

Phải tiêm phòng đầy đủ các bệnh bắt buộc theo quy định của ngành thú y như tụ huyết trùng, lở mồm long móng.... Ghi chép loại vaccin, ngày tiêm, người tiêm. Trong trường hợp xảy ra dịch bệnh, chủ hộ phải báo cáo ngay với bác sỹ thú y khu vực, chính quyền địa phương và tiến hành xử lý theo quy định.

Lịch phòng bệnh trên bò

Lở mồm long móng

- Định kỳ: 6 tháng 1 lần
- Thời điểm: 2,5 tháng tuổi; sau khi phối giống 2 tháng; trước khi sinh 2 tháng

Tụ huyết trùng

- Định kỳ: 6 tháng 1 lần
- Thời điểm: 6 tháng tuổi; sau khi phối giống 2 tháng; trước khi sinh 2 tháng

Biểu 17: Ghi chép tình hình tiêm phòng và điều trị bệnh

Ngày tháng năm	Số hiệu bò	Tên thuốc, vaccin	Nhà sản xuất	Lý do dùng	Liều lượng, cách dùng	Kết quả điều trị	Thời gian ngưng thuốc



Ghi chép sổ quản lý dịch tễ sau khi tiêm phòng

2.11.2 Trị bệnh

- Phải lập tức cách ly để phòng ngừa lây lan khi bò có biểu hiện bệnh. Nếu điều trị phải ghi lại tất cả các thông tin liên quan đến quá trình điều trị. Trong trường hợp không thể chuyển ra khu cách ly riêng thì phải đưa vào ô chuồng riêng.

- Có cán bộ thú y chẩn đoán bệnh và lên phác đồ điều trị.

- Khi sử dụng kháng sinh để điều trị (Meriquin, Betalin 10%, Floxdox-S150, Amoxcol, Linspes-125, Flox-Mix50...) cần phải tuân thủ đúng quy định về chủng loại, liều lượng, thời gian dùng thuốc và ghi chép đầy đủ vào trong hồ sơ. Không được sử dụng những kháng sinh nằm trong danh mục cấm của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Phải tuân thủ tuyệt đối thời gian ngừng sử dụng kháng sinh trước khi khai thác sữa hay giết thịt.

- Ghi chép đầy đủ mọi can thiệp về thú y.

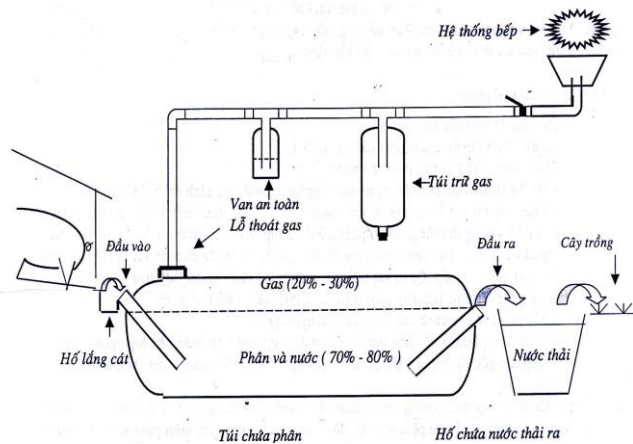
2.12 Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường

- Phân bò được thu gom hàng ngày đưa vào hố ủ phân hoặc hệ thống xử lý biogas. Trường hợp hộ có quy mô đàn nhỏ nên lắp đặt túi biogas. Tốt nhất nên xây dựng hệ thống hầm biogas vừa tận dụng nguồn khí đốt vừa xử lý hiệu quả nguồn chất thải chăn nuôi.

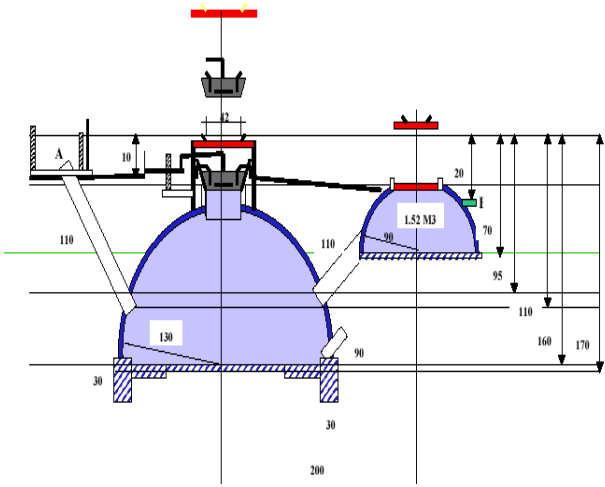
- Nước thải chăn nuôi gồm: nước tiểu, nước tắm, nước rửa chuồng bò được đưa vào hệ thống xử lý (biogas, bể lắng,...) bằng đường thoát riêng, không được cho chảy ngang qua các khu chăn nuôi khác hay trực tiếp ra môi trường. Nước thải sau khi xử lý phải đạt được tiêu chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường.

- Tốt nhất nên sử dụng chế phẩm sinh học (BEST CLEAN) phun xịt xung quanh chuồng nuôi để khử mùi chuồng trại hoặc có thể dùng để ủ phân nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Có thể bổ sung chế phẩm vi sinh (NUTRI BESTZYME) vào thức ăn, nước uống để giảm mùi hôi từ phân và nước tiểu nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.



Xử lý chất thải bằng túi biogas



Xử lý chất thải bằng hầm biogas



Tận dụng khí thải từ hệ thống biogas cho đun nấu



Tận dụng khí thải từ hệ thống biogas cho máy phát điện

BEST-CLEAN
Chuồng trại sạch sẽ - Môi trường thông thoáng

THÀNH PHẦN:

- Bacillus spp 1 x 10¹⁰ CFU/kg
- Saccharomyces spp 1 x 10¹⁰ CFU/kg
- Rhodospseudomonas spp 1 x 10¹⁰ CFU/kg
- Dextrose vừa đủ 1.000g
- Kháng sinh & hooc môn không có

CÔNG DỤNG:

NUTRI-BESTZYME
Concentrated source of Viable, naturally occurring blend of beneficial bacteria and enzymes.

INGREDIENTS

Dried spore of *Bacillus subtilis* fermentation, *Lactobacillus acidophilus* fermentation, *Lactobacillus plantarum* fermentation, *Bifidobacterium bifidus* fermentation and *Aspergillus niger* fermentation.

ANALYSIS

- Bacillus subtilis 2.2 x 10¹⁰ CFU/kg
- Saccharomyces cerevisiae 1.3 x 10¹⁰ CFU/kg
- Lactobacillus acidophilus 1 x 10¹⁰ CFU/kg
- Enzymes: 34,500 units/kg
 (Amylase, Beta-glucanase, Hemicellulase và Proteinase)
- Maltodextrin q.s. to 1 KG

DIRECTION FOR USE

In water: **Poultry & Swine** 50 gms / 100 liters of water
 In Feed: **Poultry & Swine** Starter / Breeder 500 gms/ 500 Kg Feed
 Grower / Finisher 250 gms/ 500 Kg Feed
 Layer 250 gms/ 500 Kg Feed
Poultry All other kinds of animals 250 gms/ 500 Kg Feed

BATCH: BD001
 MFG DATE:
 EXP. DATE:
 NET WT. = 1kg = 100g

NUTRI-BESTZYME
Hỗn hợp đậm đặc bao gồm các vi khuẩn có lợi dưới dạng đông khô và các enzyme.

THÀNH PHẦN:

- Bacillus subtilis 2.2 x 10¹⁰ CFU/kg
- Saccharomyces cerevisiae 1.3 x 10¹⁰ CFU/kg
- Lactobacillus acidophilus 1 x 10¹⁰ CFU/kg
- Enzymes: 34,500 units/kg
 (Amylase, Beta-glucanase, Hemicellulase và Proteinase)
- Dextrose vừa đủ 1.000g
- Kháng sinh & hooc môn không có

CÔNG DỤNG:

- Tăng lượng vi khuẩn có lợi và làm giảm những vi khuẩn có hại như E.coli, Salmonella ở đường tiêu hóa.
- Lactic acid bacteria và hỗn hợp enzyme giúp cho việc tiêu hóa thức ăn đạt hiệu quả hơn.
- Giảm nguy cơ tiêu chảy ở vật nuôi.
- Giảm hơi gas ammonia, mùi hôi và cải thiện môi trường xung quanh trại nuôi.

LIỀU DÙNG:

- Hòa vào nước uống cho heo và gia cầm: 50gr/ 100 lít nước uống
- Trộn vào thức ăn :
 - Gà con, heo con, gà giống, heo giống: 500gr/ 500 Kg thức ăn
 - Gà thịt, gà đẻ, heo thịt: 250gr/ 500 Kg thức ăn
 - Vật nuôi khác: 250gr/ 500 Kg thức ăn

BẢO QUẢN: Để ở nơi khô mát và tránh ánh sáng, đóng kín miệng bao bì khi không sử dụng.

SỐ ĐK: **Khối lượng tịnh 1Kg**

Nhà phân phối: Công ty TNHH Phước Lộc
 Địa chỉ: 311 Lương Định Của, KP.1, An Phú,
 Q.2, TP.HCM ĐT: 08.22406919

Chế phẩm vi sinh bổ sung vào thức ăn, nước uống

2.13 Kiểm soát côn trùng, loài gặm nhấm và động vật khác

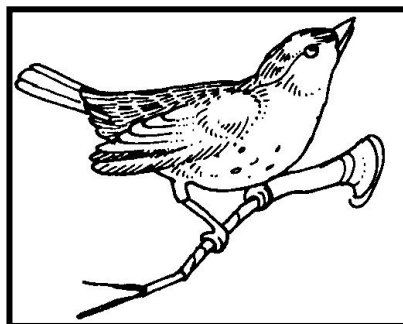
- Chuồng nuôi và khu vực xung quanh chuồng thường có vài côn trùng như: ruồi, muỗi,...có khả năng làm lây truyền bệnh. Do đó, để hạn chế cần định kỳ phun thuốc IMPERATOR 50EC để bảo vệ sức khỏe cho người chăm sóc và vật nuôi.

- Thường xuyên kiểm tra phát hiện và có các biện pháp diệt chuột trong khu chăn nuôi. Diệt chuột bằng cách đặt bẫy hoặc bả chuột. Phải có sơ đồ chi tiết vị trí đặt bả, bẫy chuột để kiểm soát các rủi ro. Ghi chép lại số lượng chuột bị diệt.

- Không để chó, mèo và bất kỳ động vật nào khác vào trong khu vực chăn nuôi, tiếp xúc với bò hoặc thức ăn, nước uống. Kiểm tra và có biện pháp ngăn chặn động vật hoang dã có thể tiếp xúc với nguồn nước, thức ăn và vật nuôi.

Biểu 18: Theo dõi diệt chuột

STT	Ngày thực hiện	Phương pháp diệt chuột	Tên thuốc	Liều lượng	Số lượng chuột thu được



Có biện pháp ngăn chặn loài gặm nhấm, chim hoang dã và côn trùng



Không cho các loại vật nuôi khác vào khu chuồng



Định kỳ phun thuốc diệt côn trùng

2.14 Quản lý nhân sự

2.14.1 An toàn lao động

- Người được giao nhiệm vụ quản lý và sử dụng hóa chất phải có kiến thức, kỹ năng về hóa chất và kỹ năng ghi chép.

- Tổ chức và cá nhân sản xuất phải cung cấp trang thiết bị cho người lao động. Khi có tai nạn lao động do hóa chất phải thực hiện các biện pháp sơ cứu cần thiết và đưa đến bệnh viện gần nhất.

- Phải có tài liệu hướng dẫn các bước sơ cứu và dán tại kho chứa hóa chất.

2.14.2 Điều kiện làm việc

- Khu nhà ở cho người lao động phải đảm bảo thoáng mát, mật độ người làm việc hợp lý.

- Điều kiện làm việc phải đảm bảo và phù hợp với sức khỏe người lao động.
- Người lao động phải được cung cấp quần áo bảo hộ.
- Các phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ phải thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng nhằm tránh rủi ro gây tai nạn cho người sử dụng.
- Phải có quy trình thao tác an toàn nhằm hạn chế tối đa rủi ro do di chuyển hoặc nâng vác các vật nặng.



Bố trí khu nhà ở cho công nhân trại phù



Nên trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trại



Phải thường xuyên kiểm tra các phương tiện để tránh rủi ro

2.14.3 Phúc lợi xã hội của người lao động

- Tuổi lao động phải phù hợp với các quy định của pháp luật VN.
- Khu nhà ở cho người lao động phải đảm bảo vệ sinh, phù hợp với điều kiện sinh hoạt và có những thiết bị, dịch vụ cơ bản.
- Lương, thù lao cho người lao động phải hợp lý, phù hợp với pháp luật về lao động của VN.

Biểu 19: Quản lý cán bộ, công nhân

Họ và tên	Số CMT	Địa chỉ	Số điện thoại	Tình trạng sức khỏe

2.14.4 Đào tạo và tập huấn

- Trước khi nhận việc, người lao động phải được thông báo về những nguy cơ liên quan đến sức khỏe và điều kiện an toàn.
- Người lao động phải hiểu rõ và tuân thủ nội quy của trại và được tập huấn về các kỹ năng chăn nuôi, các quy định về vệ sinh an toàn, những hướng dẫn mới cần triển khai áp dụng. Phải có tài liệu và ghi chép các chương trình tập huấn.

Biểu 20: Đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công nhân

Ngày tháng năm	Người tham gia tập huấn	Nội dung tập huấn	Đơn vị tổ chức, địa chỉ

2.15 Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm

- Tổ chức và cá nhân chăn nuôi bò sữa phải ghi chép đầy đủ nhật ký sản xuất, tiếp nhận và sử dụng hóa chất, thức ăn chăn nuôi và mua bán sản phẩm.
- Hệ thống sổ sách ghi chép của trại phải thể hiện được: sản lượng sữa bán ra hàng ngày, năng suất sữa của từng con, năng suất sữa/chu kỳ/con; số bò sữa bán ra,

nhập vào; kiểm tra hàng ngày về tình hình sức khỏe đàn bò sữa, bệnh tật, nguyên nhân; tất cả các kết quả kiểm tra, xét nghiệm của phòng thí nghiệm; giấy chứng nhận nguồn gốc của bò sữa nhập vào trại; nơi mua bò sữa; tình hình sử dụng vaccin và sử dụng thuốc điều trị bệnh.

- Sổ ghi chép phải được lưu lại ít nhất 1 năm kể từ ngày đàn bò sữa được bán hay chuyển đi nơi khác, hoặc lâu hơn nếu có yêu cầu của khách hàng hoặc cơ quan quản lý.

- Tổ chức và cá nhân sản xuất theo GAHP phải tự kiểm tra hoặc thuê kiểm tra viên kiểm tra nội bộ xem việc thực hiện sản xuất, ghi chép và lưu trữ hồ sơ đã đạt yêu cầu chưa. Nếu chưa đạt yêu cầu thì phải có biện pháp khắc phục và phải được lưu trong hồ sơ.

- Sản phẩm sản xuất theo GAHP phải được ghi rõ số tai từng con và mã số từng chuồng. Số tai từng con và mã số của chuồng phải được lập hồ sơ và lưu trữ để giúp việc truy nguyên nguồn gốc được dễ dàng.

- Mỗi khi xuất sữa, bán bê, bán bò, phải ghi chép rõ thời gian, nơi nhận và lưu giữ hồ sơ cho từng lứa bò.

- Khi phát hiện bê, bò bị bệnh, phải cách ly, ngừng bán sữa và ngừng xuất chuồng. Nếu đã bán, phải thông báo ngay tới người mua.

- Điều tra nguyên nhân gây bệnh và thực hiện các biện pháp ngăn ngừa lây nhiễm bệnh, đồng thời có hồ sơ ghi chép nguyên nhân gây bệnh và biện pháp xử lý.



Cần phải lập phiếu theo dõi cá thể bò

2.16 Kiểm tra nội bộ

- Trang trại phải tiến hành kiểm tra nội bộ ít nhất 1 năm/lần.

- Việc kiểm tra phải được thực hiện bằng bảng kiểm tra đánh giá; sau khi kiểm tra xong, tổ chức cá nhân chăn nuôi hoặc kiểm tra viên có nhiệm vụ ký vào bảng kiểm tra đánh giá. Bảng tự kiểm tra đánh giá, bảng kiểm tra (đột xuất, định kỳ) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải được lưu trong hồ sơ.

- Tổ chức, cá nhân chăn nuôi phải tổng kết và báo cáo kết quả kiểm tra cho cơ quan quản lý chất lượng khi có yêu cầu.

2.17 Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

- Tổ chức, cá nhân chăn nuôi phải có mẫu đơn khiếu nại (theo mẫu 5) khi khách hàng yêu cầu.

- Trong trường hợp có khiếu nại, tổ chức cá nhân chăn nuôi phải có trách nhiệm giải quyết theo quy định của pháp luật và lưu đơn thư khiếu nại cũng như kết quả giải quyết vào trong hồ sơ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u>		<i>Mẫu số 5</i>
MẪU ĐƠN KHIẾU NẠI		
<i>(Phần dành cho khách hàng)</i>	Ngày:.....	
- Kính gửi:	
- Tên khách hàng, địa chỉ:	
- Vấn đề khiếu nại:.....	
<i>(Phần dành cho nhà sản xuất)</i>		
- Xác định sai lỗi trong quy trình:	Có	<input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
- Nếu có, thì quy trình nào có sai lỗi	
- Biện pháp xử lý đối với sản phẩm	
- Biện pháp khắc phục	
- Người chịu trách nhiệm khắc phục	
, ngày tháng năm	
	Chủ cơ sở	

PHỤ LỤC

BẢNG CHỈ TIÊU KIỂM TRA VÀ HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 121/2008/QĐ-BNN
ngày 17/ 12/ 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

I. BẢNG CHỈ TIÊU KIỂM TRA VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

STT	Chỉ tiêu	Mức độ	Yêu cầu theo VietGAHP	Phương pháp đánh giá
A	BÒ SỮA			
1	Địa điểm			
1.1	Vị trí xây dựng trang trại bò sữa có phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương không?	B	Vị trí xây dựng trang trại bò sữa phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương	Kiểm tra quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.2	Khoảng cách từ trang trại đến khu dân cư, các công trình xây dựng khác, đến nguồn nước có đúng với các quy định hiện hành không?	A	Khoảng cách từ trang trại đến khu dân cư, các công trình xây dựng khác, đến nguồn nước phải đúng với các quy định hiện hành	Kiểm tra thực tế
1.3	Trang trại có được thiết kế gồm các khu vực khác nhau không? Giữa các khu có tường rào ngăn cách không?	A	Trang trại phải được thiết kế gồm các khu vực khác nhau. Giữa các khu phải có tường rào ngăn cách	Kiểm tra thực tế
2	Thiết kế chuồng trại, kho và thiết bị chăn nuôi			
2.1	Hướng, kích thước, kiểu chuồng, nền chuồng, mái chuồng, cửa chuồng trại có hợp lý không?	B	Hướng, kích thước, kiểu chuồng, nền chuồng, mái chuồng.. cửa chuồng trại phải được bố trí hợp lý	Kiểm tra thực tế
2.2	Chuồng trại cho các đối tượng bê, bò khác nhau có tuân thủ quy định của nhà nước không?	B	Chuồng trại cho các đối tượng bê, bò khác nhau phải tuân thủ quy định của nhà nước	Kiểm tra thực tế việc tuân thủ các quy định
2.3	Khu hành chính (văn phòng, nhà làm việc, khu vệ sinh...) có đặt ngoài hàng rào khu chăn nuôi không?	A	Khu hành chính (văn phòng, nhà làm việc, khu vệ sinh...) phải đặt ngoài hàng rào khu chăn nuôi	Kiểm tra thực tế
2.4	Nhà xưởng và kho (kho chứa thức ăn, kho thuốc thú y, thuốc sát trùng, kho chứa các dụng cụ chăn nuôi, xưởng cơ khí sửa chữa, khu cách ly, khu xử lý chất thải) có bố trí riêng biệt không?	A	Nhà xưởng và kho (kho chứa thức ăn, kho thuốc thú y, thuốc sát trùng, kho chứa các dụng cụ chăn nuôi, xưởng cơ khí sửa chữa, khu cách ly, khu xử lý chất thải) phải bố trí riêng biệt	Kiểm tra thực tế
2.5	Hệ thống vệ sinh sát trùng chuồng trại có thích hợp để giảm thiểu tối đa sự lây lan của mầm bệnh không?	A	Hệ thống vệ sinh sát trùng chuồng trại phải thích hợp để giảm thiểu tối đa sự lây lan của mầm bệnh	Kiểm tra thực tế
2.6	Kho chứa nguyên liệu và thức ăn có được xây dựng hợp lý và hợp vệ sinh không? Các nguyên liệu và thức ăn khi nhập kho bảo quản có đúng theo tiêu chuẩn quy định chưa?	A	Kho chứa nguyên liệu và thức ăn phải được xây dựng hợp lý và hợp vệ sinh. Các nguyên liệu và thức ăn khi nhập kho bảo quản phải đúng theo tiêu chuẩn quy định	Kiểm tra thực tế so sánh với các quy định
2.7	Kho chứa thuốc thú y, thuốc sát trùng có được xây dựng thông thoáng, không bị dột, tạt nước khi mưa gió không ?	A	Kho chứa thuốc thú y, thuốc sát trùng phải được xây dựng thông thoáng, không bị dột, tạt nước khi mưa gió	Kiểm tra thực tế
2.8	Có kho lạnh, tủ lạnh để bảo quản vắc xin và một số loại kháng sinh yêu cầu được bảo quản lạnh không ?	A	Có kho lạnh, tủ lạnh để bảo quản vắc xin và một số loại kháng sinh yêu cầu được bảo quản lạnh	Kiểm tra thực tế

STT	Chỉ tiêu	Mức độ	Yêu cầu theo VietGAHP	Phương pháp đánh giá
2.9	Có sơ đồ vị trí các loại thuốc trong kho và ghi chép theo dõi xuất nhập thuốc để tránh tình trạng có lô thuốc để quá hạn sử dụng không?	A	Có sơ đồ vị trí các loại thuốc trong kho và ghi chép theo dõi xuất nhập thuốc để tránh tình trạng có lô thuốc để quá hạn sử dụng	Kiểm tra thực tế
2.10	Thiết bị chăn nuôi, dụng cụ chứa thức ăn, nước uống... có đầy đủ và hợp vệ sinh không?	A	Thiết bị chăn nuôi, dụng cụ chứa thức ăn, nước uống... phải đầy đủ và hợp vệ sinh	Kiểm tra thực tế
3	Con giống và quản lý giống			
3.1	Con giống có nguồn gốc rõ ràng không? Lúc mua có nhận đầy đủ hồ sơ không?	A	Con giống phải có nguồn gốc rõ ràng. Lúc mua phải nhận đầy đủ hồ sơ.	Kiểm tra thực tế hồ sơ giống
3.2	Chất lượng con giống có bảo đảm đúng quy định hiện hành không?	A	Chất lượng con giống phải bảo đảm đúng quy định hiện hành	Kiểm tra so sánh với quy định
3.3	Quản lý con giống có phù hợp theo kỹ thuật hiện hành không?	A	Quản lý con giống phải phù hợp theo kỹ thuật hiện hành	Kiểm tra so sánh với quy định
4	Vệ sinh chăn nuôi			
4.1	Dụng cụ có đầy đủ để vệ sinh và thu gom chất thải của chuồng trại không?	A	Dụng cụ phải đầy đủ để vệ sinh và thu gom chất thải của chuồng trại	Kiểm tra thực tế
4.2	Có hố sát trùng ở cổng ra vào và ở đầu mỗi chuồng không?	A	Có hố sát trùng ở cổng ra vào và ở đầu mỗi chuồng	Kiểm tra thực tế
4.3	Có hệ thống phun thuốc sát trùng phương tiện vận chuyển ra vào trại không?	A	Có hệ thống phun thuốc sát trùng phương tiện vận chuyển ra vào trại	Kiểm tra thực tế
4.4	Hệ thống vệ sinh sát trùng toàn bộ khu chuồng trại có thích hợp để giảm thiểu tối đa sự lây lan của mầm bệnh không?	A	Hệ thống vệ sinh sát trùng toàn bộ khu chuồng trại phải thích hợp để giảm thiểu tối đa sự lây lan của mầm bệnh	Kiểm tra thực tế
4.5	Có thực hiện định kỳ việc phát quang bụi rậm, khơi cống rãnh để diệt ruồi, và sát trùng xung quanh các dãy chuồng và khu chăn nuôi không?	A	Thực hiện định kỳ việc phát quang bụi rậm, khơi cống rãnh để diệt ruồi, và sát trùng xung quanh các dãy chuồng và khu chăn nuôi	Kiểm tra thực tế
4.6	Có thực hiện việc sát trùng chuồng trại trước khi nuôi; sau mỗi đợt nuôi; khi chuyển đàn không?	A	Thực hiện việc sát trùng chuồng trại trước khi nuôi; sau mỗi đợt nuôi; khi chuyển đàn	Kiểm tra thực tế
4.7	Có định kỳ sát trùng bên trong chuồng trại, các dụng cụ chăn nuôi, làm vệ sinh các silo, thùng chứa thức ăn, máng ăn và trên gia súc bằng thuốc sát trùng thích hợp không?	A	Định kỳ sát trùng bên trong chuồng trại, các dụng cụ chăn nuôi, làm vệ sinh các silo, thùng chứa thức ăn, máng ăn và trên gia súc bằng thuốc sát trùng thích hợp	Kiểm tra thực tế
4.8	Có dùng riêng phương tiện vận chuyển sữa, thức ăn, dụng cụ...trong trang trại không?	A	Dùng riêng phương tiện vận chuyển sữa, thức ăn, dụng cụ...trong trang trại	Kiểm tra thực tế
4.9	Có thực hiện sát trùng phương tiện vận chuyển sữa, thức ăn, dụng cụ trước và sau khi vận chuyển trong trại không?	A	Thực hiện sát trùng phương tiện vận chuyển sữa, thức ăn, dụng cụ trước và sau khi vận chuyển trong trại	Kiểm tra thực tế
4.10	Có thực hiện ghi chép chi tiết về hoá chất, nguyên liệu, thức ăn, thuốc, vắc xin...xuất nhập kho không?	A	Thực hiện ghi chép chi tiết về hoá chất, nguyên liệu, thức ăn, thuốc, vắc xin...xuất nhập kho	Kiểm tra thực tế
5	Quản lý thức ăn, nước uống, nước vệ sinh			
5.1	Có thường xuyên giám sát các nguy cơ sinh học, hóa học, vật lý có thể ảnh hưởng đến chất lượng nguyên liệu thức	A	Thường xuyên giám sát các nguy cơ sinh học, hóa học, vật lý có thể ảnh hưởng đến chất lượng nguyên liệu	Kiểm tra hồ sơ

STT	Chỉ tiêu	Mức độ	Yêu cầu theo VietGAHP	Phương pháp đánh giá
	ăn không?		thức ăn	
5.2	Có kiểm tra các thông tin về nguyên liệu và kiểm tra khi giao nhận không?	A	Kiểm tra các thông tin về nguyên liệu và kiểm tra khi giao nhận	Kiểm tra hồ sơ
5.3	Nếu dự trữ nguyên liệu, kho chứa có đủ tiêu chuẩn không?	B	Nếu dự trữ nguyên liệu, kho chứa phải đủ tiêu chuẩn	Kiểm tra thực tế, so sánh với quy định
5.4	Có ghi chép và lập hồ sơ trộn thức ăn, sử dụng thức ăn, loại thuốc trộn, liều lượng, thời gian sử dụng thức ăn có trộn thuốc?	A	Ghi chép và lập hồ sơ trộn thức ăn, sử dụng thức ăn, loại thuốc trộn, liều lượng, thời gian sử dụng thức ăn có trộn	Kiểm tra hồ sơ
5.5	Có sử dụng kháng sinh theo hướng dẫn của Bộ NN&PTNT và nhà sản xuất không? Có tuân thủ thời gian ngừng sử dụng thuốc theo khuyến cáo của nhà sản xuất không?	A	Sử dụng kháng sinh theo hướng dẫn của Bộ NN&PTNT và nhà sản xuất. Tuân thủ thời gian ngừng sử dụng thuốc theo khuyến cáo của nhà sản xuất	Kiểm tra hồ sơ
5.6	Có kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất nguồn nước uống dùng cho chăn nuôi không?	A	Kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất nguồn nước uống dùng cho chăn nuôi	Kiểm tra hồ sơ
5.7	Có kiểm tra thường xuyên hệ thống cấp nước không?	B	Kiểm tra thường xuyên hệ thống cấp nước	Kiểm tra thực tế
5.8	Nước rửa chuồng, vệ sinh có cho chảy ngang qua những khu chuồng khác không?	A	Nước rửa chuồng, vệ sinh không cho chảy ngang qua những khu chuồng khác	Kiểm tra thực tế
5.9	Có hệ thống lọc, lắng chất thải rắn không? Có thải trực tiếp nước thải chưa qua xử lý ra môi trường không?	A	Phải có hệ thống lọc, lắng chất thải rắn. Không thải trực tiếp nước thải chưa qua xử lý ra môi trường	Kiểm tra thực tế
6	Quản lý đàn bò sữa			
	Có tuân thủ đúng quy trình nhập đàn như nuôi cách ly, tiêm phòng, sát trùng chuồng trại... cho bê, bò mới nhập về không?	A	Tuân thủ đúng quy trình nhập đàn như nuôi cách ly, tiêm phòng, sát trùng chuồng trại... cho bê, bò mới nhập về	Kiểm tra thực tế so sánh với các quy định
7	Quản lý vắt sữa và vệ sinh vắt sữa			
7.1	Có khu vực vắt sữa riêng biệt không?	B	Có khu vực vắt sữa riêng biệt	Kiểm tra thực tế
7.2	Người vắt sữa có sử dụng đầy đủ bảo hộ lao động không?	A	Người vắt sữa phải sử dụng đầy đủ bảo hộ lao động	Kiểm tra trang thiết bị bảo hộ lao động
7.3	Người vắt sữa có đảm bảo sức khỏe (không mắc bệnh truyền nhiễm, nhiễm trùng tay)?	A	Người vắt sữa phải đảm bảo sức khỏe (không mắc bệnh truyền nhiễm, nhiễm trùng tay)	Kiểm tra hồ sơ, giấy khám sức khỏe định kỳ
7.4	Có bán sữa vắt từ bò bị bệnh ra thị trường không?	A	Không bán sữa vắt từ bò bị bệnh ra thị trường	Kiểm tra thực tế
7.5	Dụng cụ vắt sữa, đựng sữa có bảo đảm vệ sinh không?	A	Dụng cụ vắt sữa, đựng sữa phải bảo đảm vệ sinh	Kiểm tra thực tế
8	Quản lý dịch bệnh			
8.1	Có chương trình quản lý sức khỏe đàn bò không?	B	Phải có chương trình quản lý sức khỏe đàn bò	Kiểm tra hồ sơ
8.2	Trong trường hợp điều trị bệnh, có ghi chép đầy đủ về dịch bệnh, tên thuốc,	A	Trong trường hợp điều trị bệnh, phải ghi chép đầy đủ về dịch bệnh, tên	Kiểm tra hồ sơ

STT	Chỉ tiêu	Mức độ	Yêu cầu theo VietGAHP	Phương pháp đánh giá
	liều lượng, lý do dùng, thời gian dùng, trọng lượng bò, người tiêm, thời điểm ngưng thuốc không?		thuốc, liều lượng, lý do dùng, thời gian dùng, trọng lượng bò, người tiêm, thời điểm ngưng thuốc	
8.3	Có bán bò chết ra thị trường không?	A	Không bán bò chết ra thị trường	Kiểm tra thực tế, kiểm tra hồ sơ
8.4	Có báo cáo với cán bộ thú y khi phát hiện bò chết không?	A	Báo cáo với cán bộ thú y khi phát hiện bò chết	Kiểm tra hồ sơ
9	Bảo quản và sử dụng thuốc			
9.1	Vắc xin và thuốc có được bảo quản tốt không? Có ghi chép việc nhập kho từng loại thuốc không?	A	Vắc xin và thuốc phải được bảo quản tốt. Ghi chép việc nhập kho từng loại thuốc	Kiểm tra hồ sơ, sổ sách
10	Phòng trị bệnh			
10.1	Có lịch tiêm phòng các bệnh chính như tụ huyết trùng, lở mồm long móng và một số dịch bệnh khác không?	A	Phải có lịch tiêm phòng các bệnh chính như tụ huyết trùng, lở mồm long móng và một số dịch bệnh khác	Kiểm tra hồ sơ, lịch tiêm phòng
10.2	Khi sử dụng kháng sinh điều trị, có sử dụng kháng sinh nằm trong danh mục cấm không? Có tuân thủ quy định về chủng loại, liều lượng, thời gian dùng thuốc và ghi chép đầy đủ vào trong hồ sơ và có tuân thủ về thời gian ngưng thuốc không?	A	Khi sử dụng kháng sinh điều trị, không sử dụng kháng sinh nằm trong danh mục cấm. Tuân thủ quy định về chủng loại, liều lượng, thời gian dùng thuốc và ghi chép đầy đủ vào trong hồ sơ và tuân thủ về thời gian ngưng thuốc	Kiểm tra hồ sơ
10.3	Có tuân thủ thời gian cách ly khi xuất bán sữa và bò sữa khi đang điều trị bằng kháng sinh không?	A	Tuân thủ thời gian cách ly khi xuất bán sữa và bò sữa khi đang điều trị bằng kháng sinh	Kiểm tra hồ sơ
11	Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường			
11.1	Chất thải rắn có được thu gom hàng ngày và vận chuyển đến nơi xử lý không?	A	Chất thải rắn phải được thu gom hàng ngày và vận chuyển đến nơi xử lý	Kiểm tra thực tế
11.2	Chất thải lỏng có được trực tiếp vào khu xử lý và không chảy qua khu chăn nuôi khác không?	A	Chất thải lỏng phải trực tiếp vào khu xử lý và không chảy qua khu chăn nuôi khác	Kiểm tra thực tế
11.3	Có hệ thống phân loại, tách chất thải rắn và lỏng riêng biệt nhằm giúp cho việc xử lý được dễ dàng và đạt hiệu quả cao không?	B	Phải có hệ thống phân loại, tách chất thải rắn và lỏng riêng biệt nhằm giúp cho việc xử lý được dễ dàng và đạt hiệu quả cao	Kiểm tra thực tế
11.4	Có báo cáo với cán bộ thú y khi phát hiện bò chết không?	A	Báo cáo với cán bộ thú y khi phát hiện bò chết	
12	Kiểm soát côn trùng, loài gặm nhấm và động vật khác			
	Có sử dụng thuốc, bẫy, bả để kiểm soát côn trùng, loài gặm nhấm và động vật khác không? Nếu có, đã ghi sơ đồ chi tiết vị trí đặt bẫy, bả và thường xuyên kiểm tra để xử lý chưa?	B	Có sử dụng thuốc, bẫy, bả để kiểm soát côn trùng, loài gặm nhấm và động vật khác. Nếu có, đã ghi sơ đồ chi tiết vị trí đặt bẫy, bả và thường xuyên kiểm tra để xử lý	Kiểm tra thực tế, sơ đồ bố trí
13	Quản lý nhân sự			
13.1	Người lao động làm việc trong trang trại có được hướng dẫn sử dụng các hóa	A	Người lao động làm việc trong trang trại phải được hướng dẫn sử dụng các	Kiểm tra thực tế và phỏng vấn

STT	Chỉ tiêu	Mức độ	Yêu cầu theo VietGAHP	Phương pháp đánh giá
	chất độc hại và tập huấn về kỹ năng chăn nuôi không?		hóa chất độc hại và tập huấn về kỹ năng chăn nuôi	
13.2	Có tài liệu hướng dẫn về sơ cấp cứu và phổ biến kiến thức về sơ cấp cứu đến tất cả nhân viên của trại không?	A	Phải có tài liệu hướng dẫn về sơ cấp cứu và phổ biến kiến thức về sơ cấp cứu đến tất cả nhân viên của trại	Kiểm tra tài liệu, hồ sơ
13.3	Có quy trình thao tác an toàn nhằm hạn chế tối đa rủi ro do di chuyển hoặc nâng vác các vật nặng không?	A	Có quy trình thao tác an toàn nhằm hạn chế tối đa rủi ro do di chuyển hoặc nâng vác các vật nặng	Kiểm tra tài liệu, quy trình
13.4	Trang bị bảo hộ lao động như ủng cao su, khẩu trang, găng tay, mũ, áo quần bảo hộ... có được trang bị cho công nhân làm việc trong trang trại không?	A	Trang bị bảo hộ lao động như ủng cao su, khẩu trang, găng tay, mũ, áo quần bảo hộ... phải được trang bị cho công nhân làm việc trong trang trại	Kiểm tra trang thiết bị lao động hiện có
13.5	Có đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho khách tham quan (quần áo, giày ủng, nơi tắm rửa, khử trùng, thay quần áo) và nhật ký khách tham quan không?	B	Có đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho khách tham quan (quần áo, giày ủng, nơi tắm rửa, khử trùng, thay quần áo) và nhật ký khách tham quan	Kiểm tra trang thiết bị, hồ sơ nhật ký
14	Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm			
	Có ghi chép đầy đủ nhật ký chăn nuôi, nhật ký về hoá chất, thức ăn chăn nuôi và mua bán sản phẩm và lưu trữ hồ sơ để việc truy xuất được dễ dàng khi cần thiết không?	A	Ghi chép đầy đủ nhật ký chăn nuôi, nhật ký về hoá chất, thức ăn chăn nuôi và mua bán sản phẩm và lưu trữ hồ sơ để việc truy xuất được dễ dàng khi cần thiết	Kiểm tra sổ nhật ký
15	Kiểm tra nội bộ			
15.1	Có tiến hành kiểm tra nội bộ định kỳ mỗi năm một lần không?	A	Tiến hành kiểm tra nội bộ định kỳ mỗi năm một lần	Kiểm tra hồ sơ kiểm tra
15.2	Bảng kiểm tra đánh giá nội bộ đã được ký chưa và có lưu trong hồ sơ không?	A	Bảng kiểm tra đánh giá nội bộ đã có ký và lưu trong hồ sơ	Kiểm tra hồ sơ đánh giá
16	Khiếu nại và giải quyết khiếu nại			
	Trang trại có sẵn mẫu đơn khiếu nại không? và có lưu giữ hồ sơ khiếu nại của khách hàng và phương pháp giải quyết không?	A	Trang trại phải có sẵn mẫu đơn khiếu nại và lưu giữ hồ sơ khiếu nại của khách hàng và phương pháp giải quyết	Kiểm tra mẫu đơn

Ghi chú: A: Chỉ tiêu bắt buộc thực hiện; B: Chỉ tiêu khuyến khích thực hiện

II. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ VÀ XỬ LÝ KẾT QUẢ:

- Cơ sở sản xuất được cấp Giấy chứng nhận VietGAHP khi đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu mức độ A và tối thiểu 70% chỉ tiêu mức độ B.
- Đối với cơ sở sản xuất gồm nhiều thành viên, việc xử lý kết quả kiểm tra được quy định như:
 - Cơ sở sản xuất được đánh giá đạt một chỉ tiêu mức độ A khi 100% thành viên được kiểm tra tuân thủ đúng chỉ tiêu đó.
 - Cơ sở sản xuất được đánh giá đạt một chỉ tiêu mức độ B khi có tối thiểu 90% thành viên được kiểm tra tuân thủ đúng chỉ tiêu đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2008. *Quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi bò sữa an toàn tại Việt Nam (VIETGAHP)*. Quyết định số 1506/QĐ-BNN-KHCN ngày 15 tháng 5 năm 2008.
2. Đinh Văn Cải, Đoàn Đức Vũ, Nguyễn Ngọc Tấn, 2001. *100 câu hỏi đáp nuôi bò sữa*. Nhà xuất bản Nông Nghiệp TPHCM.
4. Hoàng Kim Giao, Phùng Quốc Quảng, Đỗ Kim Tuyên, Đặng Trần Tính, 2002. *Kỹ thuật chăn nuôi bò sữa*. Nhà xuất bản Nông Nghiệp Hà Nội.